



# BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

**SỐ 09/2022**

**Từ 07/03 - 11/03/2022**

**TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**TIN TRUNG ƯƠNG**

**CHỈ ĐẠO NỘI DUNG**

\*

**TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA**  
**THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**  
**PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO**  
**CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**CỦA CHÍNH PHỦ**

**ÔNG PHẠM MINH HÙNG**  
**VỤ TRƯỞNG**  
**VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**BỘ NỘI VỤ**

**CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO**  
**CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**CỦA CHÍNH PHỦ**

**BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY**

\*

**TRUNG TÂM THÔNG TIN**  
**BỘ NỘI VỤ**

**ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**

**SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT**  
**QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI**

**ĐIỆN THOẠI**

**024.62821016**

**EMAIL**

**BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN**

**WEBSITE**

**HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN**

**BỘ CHÍNH TRỊ:**

## **KẾT LUẬN VỀ TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ VÀ CƠ CẤU LẠI ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

Ngày 21/02/2022, Thay mặt Bộ Chính trị Thường trực Ban Bí thư Võ Văn Thưởng ký ban hành Kết luận số 28-KL/TW của Bộ Chính trị về tình giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Theo đó, xem xét Tờ trình số 138-TTr/BTCTW ngày 30/12/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị khóa XI về tình giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (gọi tắt là Nghị quyết số 39-NQ/TW), Bộ Chính trị kết luận như sau:

1. Những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, tập trung, thống nhất, thường xuyên, liên tục, có trọng tâm, trọng điểm của các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, Nghị quyết số 39-NQ/TW đã được triển khai thực hiện nghiêm túc và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên về tình giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng lên; đã phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện Nghị quyết. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở từng bước đổi mới, kiện toàn, sắp xếp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; tình giản biên chế đạt kết quả rõ nét, tổng số biên chế tính đến ngày 30/6/2021 giảm 20% so với biên chế được giao năm 2015, vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được nâng cao chất lượng và cơ cấu lại theo ngành, chức danh nghề nghiệp, trình độ đào tạo, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm; công tác tuyển dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm... cán bộ, công chức, viên chức có nhiều đổi mới.

Tuy nhiên, việc triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW vẫn còn một số hạn chế; chỉ tiêu giảm đồng đều 10% biên chế cho tất cả các cơ quan, đơn vị chưa thực sự phù hợp khi bổ sung, tăng thêm chức năng, nhiệm vụ mới với một số ngành, cơ quan, đơn vị; nhìn chung biên chế chủ yếu giảm cơ học, chưa thực sự gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; chưa tương xứng với đầu tư cho hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin; một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa đạt mục tiêu tình giản biên chế, có nơi giao biên chế không đúng thẩm quyền; số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và biên chế sự nghiệp công rất lớn, nhất là ngành Giáo dục nhưng chậm ban hành các quy định, chính sách phù hợp để tình giản biên chế; xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công còn chậm, hiệu quả chưa cao; kết quả xây dựng vị trí việc làm còn chưa đồng bộ; chức năng, nhiệm vụ của một số tổ chức, cơ quan, đơn vị sau khi sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chưa được rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời,...

2. Để khắc phục những hạn chế trên nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

2.1. Tăng cường quán triệt, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất ý chí và hành động trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động, nhất là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị về tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý biên chế theo hướng tăng cường phân cấp, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của từng cấp, từng ngành, từng địa phương.

2.2. Thực hiện tinh giản biên chế có trọng tâm, trọng điểm, không cào bằng và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị. Tiếp tục tinh giản biên chế đối với các bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa hoàn thành mục tiêu theo Nghị quyết số 39-NQ/TW. Giai đoạn 2022 - 2026 cơ bản không tăng biên chế cán bộ, công chức và thực hiện giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021; chỉ được tăng biên chế cán bộ, công chức khi thành lập tổ chức mới hoặc tổ chức, cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao thêm nhiệm vụ. Gắn tinh giản biên chế với đổi mới tổ chức bộ máy, cải cách chế độ tiền lương, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, thu hút người có đức, có tài vào làm việc trong hệ thống chính trị.

Chậm dứt việc giao biên chế không đúng thẩm quyền, tự giao biên chế vượt quá số lượng được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc thẩm định; đồng thời làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc tự giao tăng biên chế và có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời.

2.3. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các tổ chức, cơ quan, đơn vị; hoàn thành xây dựng vị trí việc làm; quản lý biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị theo vị trí việc làm.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, thực hiện chuyển đổi số trong quản lý nhà nước và hoạt động của các tổ chức, cơ quan, đơn vị để tinh giản biên chế, nhất là một số ngành, lĩnh vực như giáo dục, tài chính, bảo hiểm xã hội... Khẩn trương hoàn thành hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế thống nhất trong toàn hệ thống chính trị.

2.4. Thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường quản lý biên chế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa trong việc cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao năng lực quản trị của đơn vị sự nghiệp công lập; hoàn thiện cơ chế tài chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm hoàn thành mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đề ra.



Sửa đổi, bổ sung các quy định xác định biên chế giáo viên trong năm 2022 phù hợp với điều kiện thực tế của vùng, miền, địa phương để nâng cao chất lượng giáo dục, giảm biên chế giáo viên. Tập trung nghiên cứu, ban hành các quy định, chính sách phù hợp để đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công, nhất là giáo dục, y tế... ở các thành phố, đô thị lớn, những nơi có dân số cơ học tăng nhanh.

2.5. Quan tâm bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện cải cách tiền lương, tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức dưỡng liêm, toàn tâm, toàn ý với công việc; có chính sách phù hợp đối với những cán bộ, công chức, viên chức chịu tác động trực tiếp trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế.

2.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra của cấp ủy, chính quyền các cấp; phát huy vai trò giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Kịp thời biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân thực hiện tốt; phê bình những tập thể, cá nhân thực hiện không nghiêm chủ trương của Đảng và kiên quyết xử lý vi phạm (nếu có).

### 3. Tổ chức thực hiện

3.1. Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế thống nhất của hệ thống chính trị tham mưu, đề xuất với Bộ Chính trị các chủ trương về thống nhất quản lý biên chế, quyết định tổng biên chế giai đoạn 2022 - 2026 theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; quy định về quản lý biên chế thống nhất của hệ thống chính trị.

3.2. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp ở Trung ương triển khai thực hiện nghiêm Kết luận này.

3.3. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Kết luận này, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị.

*Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: TẠO ĐỘT PHÁ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG NĂM 2022

Sáng ngày 09/3, kết luận Phiên họp thứ nhất Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ mục tiêu trong năm 2022 là phải tạo ra bước đột phá trong cải cách hành chính.

Sau khi nghe Báo cáo công tác cải cách hành chính năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022 do Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ trình bày và ý kiến phát biểu của các thành viên Ban Chỉ đạo, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đánh giá cao dự thảo báo cáo, các ý kiến phát biểu tâm huyết, thẳng thắn, trách nhiệm, phản ánh khách quan tình hình thực tế. Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ chất lọc, tiếp thu ý kiến, hoàn thiện các dự thảo báo cáo, quy chế, kế hoạch của Ban Chỉ đạo.

### **Đầu tư cho cải cách hành chính là đầu tư cho sự phát triển**

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ, trong năm 2021, trên tinh thần có kế thừa, ổn định, đổi mới và phát triển, kế thừa và phát huy kết quả của những năm trước, Ban Chỉ đạo đã tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế tạo cơ sở pháp lý cho công tác cải cách hành chính; nghiên cứu, cắt giảm quy trình, thủ tục hành chính để đơn giản, gọn nhẹ, thuận lợi hơn cho người dân và doanh nghiệp; tăng cường đầu tư cho công nghệ thông tin và chuyển đổi số phục vụ cải cách hành chính thực chất, hiệu quả hơn; góp phần phòng chống tham nhũng, tiêu cực, sách nhiễu trong hệ thống các cơ quan hành chính, được Nhân dân, doanh nghiệp và bạn bè quốc tế ghi nhận, đánh giá cao.

Chỉ số về cải thiện chất lượng các quy định pháp luật năm 2021 trong Bộ Chỉ số đổi mới sáng tạo của Việt Nam được Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới đánh giá tăng 6 bậc.

Thay mặt Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính biểu dương các Bộ, ngành, cơ quan, địa phương đã có nhiều cố gắng với nhiều điểm sáng trong công tác cải cách hành chính năm 2021.

Tuy nhiên, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cũng thẳng thắn chỉ rõ, công tác cải cách hành chính vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới và mong muốn của người dân, doanh nghiệp; vẫn còn những băn khoăn về "giấy phép con"; việc đầu tư cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và bố trí nguồn lực cho cải cách hành chính có nơi, có lúc còn hạn chế, thiếu quan tâm.

Thủ tướng Chính phủ cho rằng, những hạn chế này có nguyên nhân từ cả chủ quan và khách quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu, xuất phát từ nhận thức, sự quyết liệt, cố gắng, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của người đứng đầu các cấp hành chính. Đây là nguyên nhân rất cơ bản vì cải cách hành chính liên quan tới thể chế, tổ chức, bộ máy, con người và việc vận hành, nguồn lực đầu tư, quy trình, thủ tục hành chính.

Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, mục tiêu trong năm 2022 là phải tạo ra bước đột phá trong cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính liên quan tới người dân và doanh nghiệp để khơi dậy và huy động mọi nguồn lực phát triển đất nước, nâng cao hiệu quả, hiệu lực điều hành của các Bộ, ngành, địa phương.

Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh quan điểm là “đầu tư cho cải cách hành chính là đầu tư cho sự phát triển” và việc đầu tư này phải tập trung, không dàn trải, làm việc nào dứt việc đó. Phương châm là "đã nói là phải làm", thực chất, không hình thức, lấy sản phẩm, hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả, hiệu lực điều hành của các cơ quan làm thước đo.

## **Nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành, quản trị quốc gia**

Để nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính năm 2022 và các năm tiếp theo, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tập trung vào một số nhiệm vụ, cụ thể:

Thứ nhất, phải nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính.

Thứ hai, đối với cơ quan, đơn vị, phải đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm đi đôi với đầu tư và phân bổ nguồn lực hợp lý, nâng cao năng lực cán bộ thực thi, tăng cường kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhất quán từ Trung ương tới địa phương.

Thứ ba, tiếp tục đẩy mạnh rà soát, hoàn thiện thể chế về cải cách hành chính, thẩm quyền thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cấp nào, Bộ, ngành, địa phương nào thì cấp đó, Bộ, ngành, địa phương đó chủ động giải quyết, nếu vượt quá thẩm quyền thì mạnh dạn báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định, kiên trì vì mục tiêu chung.

Thứ tư, cải cách hành chính phải góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành, quản trị quốc gia nói chung và của các cấp hành chính, các Bộ, ngành, các địa phương nói riêng, phải căn cứ vào điều kiện thực tế của Việt Nam; đồng thời, tham khảo kinh nghiệm quốc tế.

Thứ năm, rà soát, xây dựng, hoàn thiện quy trình, quy định, tiêu chuẩn, tiêu chí về thủ tục hành chính để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị.

Thứ sáu, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả mô hình cung cấp dịch vụ trực tuyến, nhất là 25 thủ tục hành chính thiết yếu ưu tiên tích hợp, chia sẻ dữ liệu dân cư của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cổng dịch vụ công quốc gia, kết hợp hiệu quả giữa hình thức làm việc trực tuyến và trực tiếp; nghiên cứu những mô hình, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính để người dân, doanh nghiệp không phải mất thời gian đi lại nhiều lần.

Thứ bảy, tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan từ Trung ương đến địa phương theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương khóa XII để vừa tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, vừa nâng cao năng lực hiệu quả điều hành. Xác định một việc chỉ giao một cơ quan, một người làm, chịu trách nhiệm và cơ quan nào, người nào làm tốt nhất thì giao việc, tránh giao thoa, không để chồng chéo, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ, giảm cấp trung gian, làm tốt công tác xác định vị trí việc làm, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực...

Thứ tám, đầu tư thỏa đáng trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số; hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá về cải cách hành chính phù hợp với điều kiện, hệ thống chính trị của Việt Nam và tham khảo kinh nghiệm quốc tế để vận dụng sáng tạo, bảo đảm việc đánh giá dân chủ, chính xác, khách quan, công bằng.

Thứ chín, huy động sự đóng góp của xã hội, người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện cải cách hành chính, lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và là động lực phục vụ.

Thứ mười, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các bộ, ngành, địa phương để giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp đảm bảo tiến độ, chất lượng, không gây phiền hà; đồng thời, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, nghiên cứu, tham khảo các bài học tốt, kinh nghiệm hay, cách làm hiệu quả để áp dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam; huy động nguồn lực quốc tế cho công tác cải cách hành chính.

*Nguồn: moha.gov.vn*

## TẬP TRUNG NHẬN DIỆN CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI MỚI, CẦN ƯU TIÊN

Đây là yêu cầu đặt ra tại phiên họp đầu tiên của Ban Chỉ đạo Tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương số 15-NQ/TW (khóa XI) một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 (Nghị quyết Trung ương 5), sáng ngày 09/3, dưới sự chủ trì của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam, Trưởng ban Ban Chỉ đạo.

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Đào Ngọc Dung cho biết, đến nay hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Trung ương 5 đã đạt và vượt nhưng vẫn còn một số chỉ tiêu chậm so với mục tiêu đề ra như tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch, nước sinh hoạt hợp vệ sinh, tỷ lệ trẻ em 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, bảo đảm giáo dục tối thiểu...

Lãnh đạo các Bộ, ban, ngành thành viên Ban Chỉ đạo đã thảo luận, cho ý kiến về các vấn đề, nội dung quan trọng trong quá trình thực hiện tổng kết Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XI) trên tinh thần phân công trách nhiệm rất cụ thể, nhất là những lĩnh vực trọng yếu, nhiều vấn đề được người dân, xã hội quan tâm.

Công tác tổng kết phải bám sát các nội dung Nghị quyết, nhất là kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp: Chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; bảo đảm an sinh xã hội (việc làm, thu nhập và giảm nghèo; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, trợ giúp xã hội, bảo đảm mức tối thiểu về một số dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin truyền thông, chính sách an sinh xã hội trong đại dịch COVID-19); hợp tác quốc tế và các lĩnh vực khác có liên quan; nguồn lực thực hiện; đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu đến năm 2020 và kết quả thực hiện đến năm 2022; đánh giá hạn chế, tồn tại, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm...

Một số nhóm chỉ tiêu bắt buộc (y tế, giáo dục, văn hoá, an sinh xã hội, nhà ở...) trong Nghị quyết phải do Bộ trưởng bộ chuyên ngành chỉ đạo tổng kết. Bên cạnh việc tổng kết của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan nghiên cứu, chúng ta cần huy động tối đa, sử dụng hiệu quả sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước, đóng góp của Nhân dân.

Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Ngô Duy Hiểu đề nghị tăng cường thực hiện các khảo sát thực tế, nghiên cứu để phát hiện những khía cạnh, vấn đề xã hội mới nổi trong các nhóm đối tượng như công nhân, phụ nữ, người cao tuổi...

Các ý kiến thống nhất cho rằng việc tổng kết Nghị quyết Trung ương 5 (khoá XI) phải đưa ra đánh giá nghiêm túc, đúng thực tế, khách quan, rút ra những mặt đạt được, bài học kinh nghiệm; những mặt chưa được và nguyên nhân. Tập trung nhận diện các vấn đề xã hội mới, những vấn đề cần ưu tiên trong chính sách xã hội của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đề xuất những quan điểm, chủ trương, cơ chế, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp khả thi cho từng giai đoạn phù hợp với xu thế, thực tiễn của địa phương và đất nước trong thời kỳ mới.

Đây là cơ sở để xây dựng dự thảo nghị quyết mới có nội dung sâu sắc, khách quan, ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, thiết thực, có tính khả thi, các mục tiêu cụ thể gắn với thời gian, lộ trình phù hợp và các chủ trương, nghị quyết có liên quan của Trung ương.

Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam lưu ý, việc tổng kết Nghị quyết Trung ương 5 (khoá XI) cần làm rõ mối liên hệ ngày càng nhiều, ngày càng chặt chẽ giữa xã hội và các lĩnh vực khác (an ninh trật tự, quốc phòng, đối ngoại...). Bên cạnh đó, công tác tổng kết cần xem xét, tham khảo trong những xu thế quốc tế đã rõ như Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, dịch bệnh, an ninh mạng...

Trong tổng kết, đánh giá cần làm rõ chủ trương, chính sách ưu tiên, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với lĩnh vực xã hội, chăm sóc con người so với nguồn lực hiện có, các nước có cùng trình độ phát triển, cũng như trong khu vực, trên thế giới; hiệu quả sử dụng các nguồn lực; những kinh nghiệm được rút ra.

"Tổng kết nghị quyết của Trung ương không chỉ đánh giá kết quả, tồn tại, hạn chế, bài học kinh nghiệm mà quan trọng là xác định những vấn đề mới về quan điểm, mục tiêu, từ đó đưa ra chủ trương, giải pháp phù hợp; góp phần vào xây dựng lý luận", Phó Thủ tướng Chính phủ yêu cầu.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## 8 NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM NĂM 2022

Tiếp nối những kết quả đã đạt được trong năm 2021, Bộ Nội vụ - Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ đã đề ra 8 nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm năm 2022 tại Phiên họp thứ nhất Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ sáng ngày 09/3.

Một là, trên cơ sở Nghị quyết số 76/NQ-CP và Chỉ thị số 23/CT-TTg các Bộ, ngành, địa phương nghiêm túc xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 một cách đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, có chất lượng. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng ngành, lĩnh vực, địa phương; xác định rõ trọng tâm, trọng điểm và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị và ưu tiên bố trí nguồn lực để tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch.



Tăng cường đổi mới, sáng tạo trong chỉ đạo điều hành cải cách hành chính, gắn với việc nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện từng nhiệm vụ cải cách hành chính được giao.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, kiểm tra cải cách hành chính dưới các hình thức phù hợp, hiệu quả, thiết thực. Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, kiên quyết xử lý nghiêm minh đối với những cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật kỷ cương hành chính, tham nhũng, tiêu cực và gây phiền hà cho Nhân dân.

Thường xuyên theo dõi, đánh giá và khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, làm cơ sở cho việc ban hành các biện pháp nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Đổi mới nội dung, phương pháp đánh giá chỉ số cải cách hành chính theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để nâng cao tính chính xác, khách quan, minh bạch; sử dụng hiệu quả các thông tin của chỉ số cải cách hành chính để cải thiện nâng cao hiệu quả cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan, địa phương.

Các thành viên Ban Chỉ đạo tại các Bộ, cơ quan tập trung giải quyết, xử lý những kiến nghị của các cơ quan, địa phương nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến cải cách hành chính đã được tổng hợp.

Hai là, tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng và hoàn thiện thể chế, trọng tâm là sửa đổi, bổ sung ngay các quy định pháp luật còn chồng chéo, mâu thuẫn, chưa thống nhất, chưa phù hợp với thực tiễn, đang gây khó khăn, cản trở các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh để kịp thời khơi thông và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thực hiện nhanh quá trình phục hồi, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo đồng bộ, khả thi; ban hành kịp thời các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh, nghị quyết. Rà soát, sớm phát hiện và có biện pháp khắc phục các quy định pháp luật chồng chéo, bất cập, không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển.

Ba là, đẩy mạnh rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý, gắn kết chặt chẽ với thực hiện các nhiệm vụ xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa các quy định về hoạt động kinh doanh theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Quyết định số 468/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ và các văn bản khác có liên quan. Tăng cường phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính. Tiến hành tổng kết, đánh giá thực hiện mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận Một cửa các cấp.

Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, nâng cao hơn nữa hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh và tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia; thực hiện theo dõi, giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến bằng dữ liệu theo thời gian thực.



Bốn là, khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, trình Chính phủ xem xét, phê duyệt. Sớm ban hành theo thẩm quyền các thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và các văn bản hướng dẫn thi hành. Triển khai nghiêm túc, kịp thời, hiệu quả các nội dung tại Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. Xây dựng chương trình tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã giai đoạn 2022 - 2026.

Năm là, ban hành Thông tư hướng dẫn về xác định vị trí việc làm và định mức biên chế công chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ; ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ. Trên cơ sở đó, các Bộ, ngành, địa phương tiến hành rà soát, ban hành quyết định quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức trực thuộc; hoàn thành chậm nhất là trong thời gian 03 tháng kể từ khi thông tư hướng dẫn của Bộ, cơ quan quản lý chuyên ngành có hiệu lực thi hành.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát hiện, thu hút và trọng dụng nhân tài cho nền công vụ; tham mưu cho Đảng và Nhà nước có chính sách khuyến khích và cơ chế phù hợp bảo vệ những cán bộ có ý chí chiến đấu cao, gương mẫu thực hiện nguyên tắc của Đảng và pháp luật của Nhà nước, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung. Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm trong tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức.

Sáu là, tổ chức triển khai có hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập. Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập để tạo điều kiện cho các Bộ, ngành, địa phương triển khai có hiệu quả Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Các Bộ, cơ quan, địa phương triển khai quyết liệt và đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Bảy là, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý phục vụ triển khai các nhiệm vụ xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Hoàn thiện việc xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử. Nghiên cứu xây dựng dự án Luật giao

dịch điện tử (sửa đổi); xây dựng các nghị định quy định về định danh, xác thực điện tử,... Hoàn thiện, ban hành Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế số, xã hội số.

Nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4; thực hiện đồng bộ, cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đủ điều kiện ngay trong năm 2022 để phục vụ người dân, doanh nghiệp. Rà soát, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh trên cơ sở hợp nhất Cổng dịch vụ công, hệ thống một cửa điện tử của bộ, ngành, địa phương, tích hợp, cung cấp 100% các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Xây dựng, phát triển hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo thời gian thực, có các công cụ phân tích dữ liệu, dự báo hỗ trợ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số.

Tổ chức thực hiện có chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ trong Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Tám là, các Bộ, cơ quan được Chính phủ phân công chủ trì xây dựng các đề án về cải cách hành chính quy mô quốc gia tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 triển khai nghiên cứu, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan để xây dựng và phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các đề án, bảo đảm tiến độ và chất lượng theo quy định; bố trí đủ nguồn lực để tổ chức triển khai có hiệu quả các đề án sau khi được phê duyệt.

*Thanh Tuấn - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## CHUYỂN ĐỔI SỐ VIỆT NAM: CÀN HÌNH THÀNH THỂ CHẾ SỐ VÀ CÁCH LÀM SỐ

Sáng ngày 09/3, Hội thảo World Mobile Broadband & ICT 2022 đã diễn ra tại Hà Nội. Đây là hội thảo chuyên ngành do Hội Vô tuyến Điện tử Việt Nam và Tập đoàn dữ liệu quốc tế (IDG Vietnam) phối hợp tổ chức với chủ đề “Hiện đại hóa hạ tầng viễn thông và dịch vụ nội dung số hướng tới thúc đẩy kinh tế số, xã hội số”.

Trong những năm qua, hội thảo Băng rộng di động và ICT đã thu hút được sự quan tâm của nhiều doanh nghiệp, nhiều cơ quan quản lý và đông đảo cán bộ, chuyên gia trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin. Năm nay, do ảnh hưởng của dịch COVID-19, ban tổ chức đã phải thay đổi hình thức hội thảo, tiến hành song song với 2 hình thức trực tiếp và trực tuyến.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Tổng Thư ký Hội Vô tuyến Điện tử Việt Nam Đoàn Quang Hoan cho biết, dịch vụ viễn thông băng rộng nói chung và băng rộng vô tuyến nói riêng đang đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội.

Cứ 10 năm, vô tuyến băng rộng lại thay đổi thế hệ một lần. Thế hệ sau lại có đóng góp cho sự phát triển của kinh tế xã hội lớn hơn, với những cách thức mới mẻ hơn mà thế hệ trước không thể có được.

Sự cải tiến, đổi mới liên tục diễn ra ngay trong cùng một thế hệ, trên cả mạng lưới và dịch vụ. Bởi vậy, Hội vô tuyến Điện tử Việt Nam đã tổ chức hội thảo World Mobile Broadband & ICT thường niên để phản ánh những sự cải tiến, đổi mới đó.

Sự kiện này là nơi để các nhà cung cấp giải pháp và thiết bị, các nhà khai thác mạng và cung cấp dịch vụ cùng chia sẻ thông tin, cập nhật các kinh nghiệm phát triển. Đây cũng là diễn đàn nhằm cung cấp thông tin bổ ích cho các cơ quan quản lý để giúp điều chỉnh chính sách, điều chỉnh các quy trình quản lý phù hợp để thay đổi công nghệ và thị trường.

Chia sẻ tại sự kiện, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Phạm Đức Long hoan nghênh Hội Vô tuyến Điện tử Việt Nam cùng tập đoàn IDG đã tổ chức buổi hội thảo. Trong bối cảnh Việt Nam đang tăng tốc về chuyển đổi số, buổi hội thảo này hết sức có ý nghĩa.

Theo Thứ trưởng Phạm Đức Long, đại dịch COVID-19 đã tác động mạnh mẽ tới Việt Nam nói riêng và toàn cầu nói chung. Công cuộc chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ. Đặc biệt tại Việt Nam, chuyển đổi số đang diễn ra trên mọi ngành, mọi lĩnh vực và đã bước vào giai đoạn tăng trưởng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đưa ra nhiệm vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Trong đó, kinh tế số đến năm 2025 sẽ chiếm 20% GDP. Đây là mục tiêu hết sức thách thức nhằm hiện thực hóa khát vọng Việt Nam, đưa Việt Nam trở thành một quốc gia phát triển vào năm 2045.

Thứ trưởng Phạm Đức Long cho biết, muốn phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số thì chắc chắn phải có hạ tầng số. Hạ tầng số phải đi trước một bước. Với sự phát triển, hội tụ giữa viễn thông và công nghệ thông tin, hạ tầng viễn thông đã chuyển mình trở thành hạ tầng số.

Bộ Thông tin và Truyền thông xác định hạ tầng số bao gồm hạ tầng viễn thông cùng với hạ tầng dữ liệu. Hiện nay, Việt Nam đã đặt mục tiêu làm chủ hạ tầng băng rộng, trong đó có hạ tầng thiết bị 5G cũng như các công nghệ, nền tảng mang tính chất hạ tầng theo chiều hướng Make in Vietnam.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã báo cáo chính phủ đưa ra mục tiêu Việt Nam sẽ lọt top 30 nước có hạ tầng phát triển trước năm 2025. Để thực hiện mục tiêu này, Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng và trình chính phủ chiến lược phát triển hạ tầng số giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó, có những mục tiêu thách thức như làm thế nào để xây dựng được một hạ tầng số hiện đại, đáp ứng được nhu cầu chuyển đổi số và không bỏ lại ai ở phía sau trong quá trình này.

Thứ trưởng Phạm Đức Long đề nghị, khi nói về chuyển đổi số, về phát triển hạ tầng số, xây dựng các nền tảng số thì việc cần làm là phải có thể chế số. Nói về dữ liệu số, về hạ tầng dữ liệu nhưng phải thể chế hóa để vừa quản lý lại vừa thúc đẩy sự phát triển.



“Hạ tầng số có cả dữ liệu số, vậy phải làm thế nào để quản được những dữ liệu số ấy? Dữ liệu là tài nguyên. vậy tài nguyên của người Việt đặt ở đâu, cần quản lý như thế nào để thúc đẩy thay vì hạn chế sự phát triển?”, Thứ trưởng Phạm Đức Long đặt vấn đề.

Hiện nay, 80% dữ liệu của người Việt ở nước ngoài. Cần làm sao để dữ liệu của người Việt sản sinh ra ở Việt Nam, phát triển ở Việt Nam và hướng tới doanh thu từ hạ tầng dữ liệu này biến thành 1% GDP vào năm 2025. Đây là một trong những vấn đề cần nghiên cứu, xem xét.

Thứ hai là về cách làm số. Việt Nam đặt mục tiêu rất thách thức là mỗi người dân sở hữu một chiếc smartphone, để mọi người dân được chuyển lên môi trường số.

“Vậy làm thế nào để mỗi người dân có một chiếc smartphone? Làm sao để đến năm 2025 mỗi hộ gia đình có một đường truyền cáp quang Internet, từ đó kết nối lên môi trường số. Làm sao để Việt Nam đạt top 30 về hạ tầng số?”. Những điều này đòi hỏi một cách làm đột phá, xuất sắc.

Thứ trưởng Phạm Đức Long mong muốn qua thực tế phát triển cũng như các kinh nghiệm của quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cần nêu lên kiến nghị, đề xuất đối với cơ quan quản lý nhà nước để Việt Nam có thể hoàn thiện thể chế và cách làm số.

*Nguồn: vietnamnet.vn*

## MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

**\* Bộ Xây dựng đang xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở giai đoạn 2021 - 2025.**

Dự thảo nêu rõ: Đối tượng hộ gia đình được hỗ trợ xây dựng nhà ở phải là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ về quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025, có tên trong danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tại thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Quyết định này có hiệu lực thi hành tối thiểu 05 năm.

Điều kiện để được hỗ trợ nhà ở là chưa có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở quá tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở; chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội khác.

Trường hợp đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác thì phải thuộc các đối tượng sau: Nhà ở đã bị sập đổ hoặc hư hỏng nặng, có nguy cơ sập đổ do thiên tai gây ra như bão, lũ, lụt, động đất, sạt lở đất, hỏa hoạn nhưng chưa có nguồn vốn để sửa chữa, xây dựng lại. Đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác có thời gian từ 08 năm trở lên tính đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng nay nhà ở đã hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ.

Thực hiện ưu tiên hỗ trợ trước cho các đối tượng theo thứ tự: Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật); hộ gia đình có thành viên là đối tượng bảo trợ xã

hội; hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai; hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn; các hộ gia đình còn lại.

Về mức hỗ trợ, dự thảo đề xuất ngân sách Trung ương hỗ trợ 40 triệu đồng đối với hộ xây mới nhà ở; 20 triệu đồng đối với hộ sửa chữa nhà ở. Đối với các hộ nghèo có đối tượng bảo trợ xã hội thì được hỗ trợ trực tiếp theo mức quy định tại Khoản 1, 3 Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Các địa phương có trách nhiệm hỗ trợ thêm ngoài phần ngân sách Trung ương hỗ trợ và huy động cộng đồng giúp đỡ các hộ làm nhà ở.

Hộ gia đình thuộc diện đối tượng theo quy định có nhu cầu vay vốn, được vay tối đa 25 triệu đồng/hộ từ Ngân hàng Chính sách xã hội để xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở. Lãi suất vay 3%/năm; thời hạn vay là 15 năm, trong đó thời gian ân hạn là 5 năm. Thời gian trả nợ tối đa là 10 năm bắt đầu từ năm thứ 6, mức trả nợ mỗi năm tối thiểu là 10% tổng số vốn đã vay.

**\* Bộ Công an đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định việc kết nối, chia sẻ, trao đổi thông tin, dữ liệu số với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.**

Theo đó, dự thảo Thông tư này hướng dẫn về việc kết nối, chia sẻ, trao đổi thông tin, dữ liệu số giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành do Bộ, ngành, địa phương quản lý và hệ thống Công nghệ thông tin của các tổ chức khác.

Về mô hình kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, dự thảo nêu rõ, kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành: Qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp bộ, cấp tỉnh.

Kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh: Qua trực liên thông văn bản quốc gia.

Dữ liệu danh mục dùng chung nhằm thu thập, xử lý, lưu trữ ở dạng điện tử các danh mục dùng chung của các Bộ, ngành, địa phương nhằm nâng cao hiệu quả và tạo sự thống nhất trong việc chia sẻ, trao đổi thông tin gồm: 1. Nhóm máu; 2. Giới tính; 3. Dân tộc; 4. Tôn giáo; 5. Tình trạng hôn nhân; 6. Quốc tịch; 7. Quốc gia; 8. Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương; 9. Quận/huyện/thị xã; 10. Xã/phường/thị trấn; 11. Quan hệ với chủ hộ.

Công dân thực hiện khai thác thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư qua dịch vụ nhắn tin theo các bước sau: Bước 1: Truy cập vào ứng dụng tin nhắn trên điện thoại. Bước 2: Soạn tin nhắn tới đầu số..... với cú pháp:..... Bước 3: Xem kết quả hiển thị.

Công dân khai thác thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư không mất phí khai thác thông tin, nhưng phải trả phí sử dụng dịch vụ viễn thông theo quy định của bên cung cấp dịch vụ viễn thông.

Bên cạnh đó, công dân thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư qua cổng dịch vụ công quốc gia. Có 02 loại tài khoản có thể đăng nhập trên cổng dịch vụ công quốc gia gồm: Tài khoản cấp bởi cổng dịch vụ công quốc gia và tài khoản cấp bởi hệ thống định danh xác thực điện tử.

**\* Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 338/2016/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.**

Theo dự thảo, định mức chi có tính chất đặc thù, được bảo đảm từ ngân sách nhà nước cho một số nội dung trong các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được quy định cụ thể như sau:

Đối với dự án luật, pháp lệnh ban hành mới hoặc thay thế là 6.750.000 đồng/đề cương; Dự án luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều là 5.700.000 đồng/đề cương.

Đối với nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch, nghị định của Chính phủ: Văn bản ban hành mới hoặc thay thế có mức chi 4.500.000 đồng/đề cương; còn văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều thì mức chi là 3.450.000 đồng/đề cương.

Đối với quyết định của Thủ tướng Chính phủ, mức chi cho văn bản ban hành mới hoặc thay thế là 3.450.000 đồng/đề cương; văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều là 2.250.000 đồng/đề cương.

Đối với dự án luật, pháp lệnh ban hành mới hoặc thay thế: Mức chi 18.000.000 đồng/dự thảo văn bản. Dự án luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều: Mức chi 11.250.000 đồng/dự thảo văn bản.

Đối với nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của ủy ban thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch, nghị định của Chính phủ: Mức chi cho văn bản ban hành mới hoặc thay thế là 11.250.000 đồng/dự thảo văn bản; văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều là 6.750.000 đồng/dự thảo văn bản.

Đối với quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Văn bản ban hành mới hoặc thay thế có mức chi 9.000.000 đồng/dự thảo văn bản; Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều có mức chi 6.000.000 đồng/dự thảo văn bản.

Đối với thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ: Văn bản ban hành mới hoặc thay thế có mức chi 4.800.000 đồng/dự thảo văn bản; còn văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều có mức chi 4.050.000 đồng/dự thảo văn bản...

**\* Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và dịch vụ viễn thông công ích kèm theo thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025.**

Theo đó, dự thảo Thông tư này hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ máy tính bảng và hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng cho các đối tượng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31/12/2021.

Nguyên tắc thực hiện hỗ trợ máy tính bảng là mỗi hộ gia đình thuộc đối tượng chỉ được Chương trình hỗ trợ một lần để trang bị máy tính bảng. Đảm bảo đúng đối tượng và theo thứ tự



ưu tiên được hỗ trợ trong phạm vi số lượng máy tính bảng thuộc Chương trình. Không trùng lặp với chính sách hỗ trợ thiết bị phục vụ học tập trực tuyến của các Chương trình, đề án khác.

Máy tính bảng phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật, chất lượng đáp ứng nhu cầu học tập trực tuyến. Đảm bảo công khai, dân chủ tại cơ sở trong việc đề xuất đối tượng cụ thể được nhận hỗ trợ.

Dịch vụ viễn thông công ích được Chương trình hỗ trợ cho các hộ gia đình được sử dụng máy tính bảng là một trong hai dịch vụ viễn thông sau: Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất; dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất (dịch vụ truy nhập Internet cáp quang).

Theo dự thảo, hộ gia đình đáp ứng đủ các điều kiện sau đây thuộc đối tượng được hỗ trợ máy tính bảng từ Chương trình: 1. Là hộ nghèo, hộ cận nghèo được cấp có thẩm quyền xác nhận theo quy định của Chính phủ về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và gia đình chính sách xã hội. 2. Có thành viên thuộc hộ đang học tại các cơ sở giáo dục phổ thông. 3. Có nhu cầu nhận hỗ trợ máy tính bảng. 4. Chưa nhận hỗ trợ thiết bị phục vụ việc học tập trực tuyến (máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng) từ các chương trình, đề án, dự án khác.

Các hộ gia đình được Chương trình hỗ trợ máy tính bảng và dịch vụ viễn thông kèm theo được xác định theo thứ tự ưu tiên về địa bàn cư trú và ưu tiên về hộ gia đình quy định như sau:

Thứ tự ưu tiên về địa bàn cư trú: a) Xã khu vực III; b) Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; c) Xã đảo, huyện đảo; d) Các xã còn lại.

Thứ tự ưu tiên đối với hộ gia đình: a) Hộ gia đình là hộ nghèo đồng thời là gia đình chính sách xã hội; b) Hộ gia đình là hộ nghèo ngoài các hộ quy định tại điểm a; c) Hộ gia đình là hộ cận nghèo đồng thời là gia đình chính sách xã hội; d) Hộ gia đình là hộ cận nghèo ngoài các hộ quy định tại điểm c; đ) Các hộ thuộc đối tượng hỗ trợ còn lại.

**\* Bộ Khoa học và Công nghệ đang dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT/BKHCN-BTC ngày 28/6/2016 hướng dẫn nội dung chi và quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ.**

Theo đó, về nội dung chi của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ, dự thảo bổ sung Điều 8a hỗ trợ thực hiện các hoạt động theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ.

1. Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ. Việc thực hiện hỗ trợ căn cứ theo các quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

2. Đầu tư, đối ứng vốn đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Hoạt động đầu tư, đối ứng vốn đầu tư được thực hiện trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp và tuân theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và quy định pháp luật khác có liên quan.

Hoạt động đầu tư, đối ứng vốn đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thực hiện thông qua các hình thức: Góp vốn thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; mua cổ phần, phần

vốn góp của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; góp vốn vào quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; hợp tác kinh doanh.

3. Đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Mua quyền sở hữu, quyền sử dụng công nghệ; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, tài liệu kỹ thuật, thông tin sở hữu trí tuệ; mua phần mềm phục vụ nghiên cứu, thiết kế, mô phỏng; nhập khẩu công nghệ, máy móc thiết bị, sản phẩm mẫu để nghiên cứu, làm chủ, phát triển và tạo ra công nghệ theo hợp đồng đã ký kết.

Thuê chuyên gia tìm kiếm thông tin về công nghệ, bí quyết công nghệ; thực hiện nội dung đánh giá, định giá công nghệ; nghiên cứu, đổi mới, hoàn thiện các quy trình công nghệ, giải pháp khoa học và công nghệ; thử nghiệm, phân tích, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm đến khi hoàn thành sản phẩm lô số không; mua vật tư nguyên liệu, nhiên liệu, thiết bị đo kiểm, phân tích trong quá trình thử nghiệm và sản xuất sản phẩm lô số không của dây chuyền công nghệ.

4. Giải mã công nghệ, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động giải mã công nghệ. Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động giải mã công nghệ gồm: Đầu tư cho phòng thí nghiệm, phân tích mẫu, mô hình hóa và mô phỏng, kiểm chuẩn, xưởng chế thử, kiểm nghiệm và tạo mẫu. Hoạt động giải mã công nghệ được thực hiện với các nội dung chi như các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và bổ sung các nội dung chi có tính đặc thù.

5. Thuê tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước để tư vấn, quản lý hoạt động đầu tư của quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp theo hợp đồng giữa các bên.

6. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp bao gồm: Đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ, cập nhật công nghệ mới, tìm kiếm công nghệ; đàm phán và chuyên gia công nghệ; kỹ năng vận hành, khai thác hiệu quả các công nghệ; thích nghi, cải tiến công nghệ, giải mã công nghệ; bồi dưỡng chuyên sâu về thiết kế, phát triển sản phẩm dựa trên công nghệ và nội dung khác phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội.

**\* Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục chấp thuận cho Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú.**

Theo đó, dự thảo quy định cụ thể về thẩm quyền chấp thuận cho Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú.

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận về nguyên tắc đối với đề nghị của Tổ chức kinh tế về việc: a) Cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú không gắn với các dự án đầu tư ra nước ngoài; Việc cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú gắn với các dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài (bao gồm cả trường hợp tăng hạn mức cho vay ra nước ngoài, hạn mức bảo lãnh cho người không cư trú làm tăng quy mô dự án đầu tư ra nước ngoài dẫn đến việc dự án đầu tư thuộc diện phải được chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài). Các nội dung chính

được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận về nguyên tắc bao gồm: Bên đi vay, Bên được bảo lãnh; Hạn mức cho vay, bảo lãnh. b) Thay đổi Bên đi vay, Bên được bảo lãnh; tăng hạn mức cho vay, tăng hạn mức bảo lãnh của khoản cho vay ra nước ngoài, khoản bảo lãnh cho người không cư trú ban đầu đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận nguyên tắc.

Dự thảo cũng nêu rõ, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét, chấp thuận việc Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài không thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định. Nội dung chính được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về nguyên tắc bao gồm hạn mức cho vay, hạn mức bảo lãnh.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan khác tham gia thẩm định đề nghị cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của Tổ chức kinh tế trong phạm vi lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định và chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình.

Theo dự thảo, trình tự, thủ tục chấp thuận việc cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của Tổ chức kinh tế không gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài như sau: 1. Tổ chức kinh tế lập 04 bộ hồ sơ (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc) đề nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú và gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cơ quan đầu mối (Ngân hàng Nhà nước). 2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: Trường hợp các thành phần hồ sơ của Tổ chức kinh tế chưa đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, cung cấp thông tin và tài liệu có liên quan; trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước gửi hồ sơ của Tổ chức kinh tế đến các Bộ ngành, cơ quan có liên quan (gọi là "Cơ quan phối hợp") đề nghị tham gia ý kiến thẩm định. 3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến hoặc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan phối hợp có ý kiến thẩm định bằng văn bản về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và nội dung được phân công gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định. 4. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến thẩm định của các Cơ quan phối hợp và các hồ sơ giải trình, bổ sung có liên quan, Ngân hàng Nhà nước tổ chức thẩm định, lập báo cáo thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo thẩm quyền. 5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Ngân hàng Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ thông báo cho Ngân hàng Nhà nước ý kiến chấp thuận hoặc không chấp thuận việc Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú không gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài. 6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo cho Tổ chức kinh tế ý kiến chấp thuận hoặc không chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với đề nghị cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú không gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài của tổ chức kinh tế, đồng thời sao gửi các Cơ quan phối hợp để nắm thông tin, phối hợp quản lý. 7. Trường hợp cần bổ sung, làm rõ thông tin tại hồ sơ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với Cơ quan phối hợp theo quy trình bổ sung hồ sơ quy định để nghiên cứu, triển khai chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. 8. Khi được



yêu cầu bổ sung, làm rõ thông tin tại hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật, Tổ chức kinh tế có trách nhiệm cung cấp thông tin trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc các Cơ quan phối hợp. Quá thời hạn nêu trên mà không nhận được hồ sơ bổ sung của Tổ chức kinh tế, Ngân hàng Nhà nước thông báo việc chấm dứt xem xét đề nghị của Tổ chức kinh tế về việc cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú.

**\* Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng.**

Ngân hàng Nhà nước cho biết, trải qua gần 05 năm đi vào thực tiễn, các quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng đã tạo ra hành lang pháp lý cần thiết cho công tác xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, mang lại những chuyển biến tích cực trong công tác xử lý nợ xấu và góp phần không nhỏ vào kết quả công tác cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020, thể hiện định hướng, chính sách đúng đắn của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, tạo niềm tin đối với hệ thống các tổ chức tín dụng nói riêng và toàn bộ xã hội nói chung đối với công tác xử lý nợ xấu trong nền kinh tế.

Xử lý nợ xấu xác định theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 đã đạt kết quả tích cực. Trong đó, xử lý nợ xấu bằng hình thức khách hàng tự nguyện trả nợ tăng mạnh, phản ánh ý thức trả nợ của khách hàng đã cải thiện. Khách hàng chủ động và hợp tác hơn trong việc trả nợ tổ chức tín dụng, hạn chế tình trạng chủ tài sản cố ý chây ì, chống đối nhằm kéo dài thời gian xử lý. Các biện pháp, chính sách tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 đã góp phần tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy sự phối hợp giữa các cá nhân, tổ chức, các cơ quan hữu quan với tổ chức tín dụng trong công tác xử lý nợ xấu, góp phần thúc đẩy việc xử lý nợ xấu được thực hiện một cách nhanh chóng, hiệu quả.

Tuy nhiên, Nghị quyết số 42/2017/QH14 là Nghị quyết thí điểm nên hiệu lực chỉ kéo dài 5 năm, đến ngày 15/8/2022, Nghị quyết số 42/2017/QH14 sẽ hết hiệu lực thi hành.

Khi hết hiệu lực thi hành, toàn bộ cơ chế về xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 đang được thực hiện sẽ chấm dứt, việc xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, không được ưu tiên áp dụng một số chính sách được quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14. Thực hiện kết luận của Bộ Chính trị tại Kết luận số 19-KL/TW và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Ngân hàng Nhà nước được giao chủ trì nghiên cứu xây dựng Luật xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, trong thời gian xây dựng Luật xử lý nợ xấu, việc không tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 sẽ dẫn đến không còn hành lang pháp lý cho cơ chế xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Do vậy, để tiếp tục thể chế hóa chủ trương chính sách của Đảng, tiếp tục khắc phục những khó khăn, hạn chế trong việc xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, đặc biệt trong giai đoạn nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, thì việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng là thực sự cần thiết.

Theo đó, dự thảo Nghị quyết đề xuất: Kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 42/2017/QH14 đến ngày 15/8/2025.

Chính phủ có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật về xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng trong thời gian kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 42/2017/QH14.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## HÀ NỘI: TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 06/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG DỮ LIỆU VỀ DÂN CƯ, ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ

Ngày 08/3, Đại tướng Tô Lâm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ Trưởng Bộ Công an, Tổ trưởng tổ công tác triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) và lãnh đạo Bộ Công an đã có buổi làm việc với lãnh đạo TP. Hà Nội và Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 06 của thành phố nhằm rà soát tiến độ triển khai Đề án 06 trên địa bàn TP. Hà Nội.

Nhận thức ý nghĩa, tầm quan trọng của Đề án, ngay sau Hội nghị của Chính phủ triển khai Đề án 06, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đã chỉ đạo Công an thành phố chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu ban hành Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 17/02/2022 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội về triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”; Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 06/CP của thành phố; ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo. Tại hội nghị trực tuyến ngày 18/02/2022, triển khai Công tác Cải cách hành chính nhà nước năm 2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đã quán triệt, chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn coi việc tổ chức và triển khai thực hiện Đề án 06 là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, căn cứ nội dung Kế hoạch và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đã xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ theo phân công.

Tính đến nay, Đề án 06 đã được Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội triển khai đúng hướng, cơ bản đúng tiến độ, đáp ứng yêu cầu là địa phương được Trung ương chỉ đạo điềm thực hiện Đề án. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các cấp, các tầng lớp nhân dân để tạo sự đồng thuận trong việc thực hiện Đề án 06 được quan tâm, ngày 24/02/2022, Sở Thông tin và Truyền thông đã có văn bản số 395/STTT-BCXBTT gửi các cơ quan báo chí Trung ương (các cơ quan ký Chương trình phối hợp công tác với Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội), các cơ quan báo chí thành phố Hà Nội tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong đó tập trung tuyên truyền về ý nghĩa của việc triển khai, thực hiện Đề án.

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội tiếp tục phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, rà soát, tham mưu, đề xuất xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến dân cư; thực hiện Chương trình xây dựng pháp luật hàng năm. Tiếp tục rà soát, nghiên cứu, sửa đổi các quy định của Luật Thủ đô để hoàn thiện các cơ chế, chính sách, pháp luật phục vụ việc thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô; giao các sở, ngành căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp với các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, rà soát, tham mưu, kiến nghị, đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách pháp luật có liên quan.

Đối với nhiệm vụ triển khai thực hiện kết nối, tích hợp, khai thác, ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử, thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử theo sự chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an và các Bộ, ngành liên quan để phục vụ 05 nhóm tiện ích, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đã giao Sở Thông tin và Truyền thông đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật kết nối của Hệ thống Cổng dịch vụ công thành phố và các tính năng của Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử của thành phố với Cổng dịch vụ công quốc gia; Công an Thành phố hướng dẫn các đơn vị đăng ký sử dụng dịch vụ được cung cấp từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo đúng hướng dẫn và tiến độ của đề ra. Theo đó, Hệ thống thông tin Một cửa điện tử của thành phố đã triển khai thử nghiệm từ 01/10/2021, quá trình thử nghiệm cho thấy hệ thống cơ bản đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật và an ninh an toàn khi kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Ngày 24/02/2022 UBND TP. Hà Nội đã có văn bản số 528/UBND-NC gửi Bộ Công an xin ý kiến về việc kết nối Hệ thống một cửa, dịch vụ công thành phố đang thử nghiệm với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đã ban hành các Kế hoạch và giao nhiệm vụ cho Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố là cơ quan chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện việc tích hợp tối thiểu 794 thủ tục hành chính/1.135 thủ tục hành chính lên Cổng dịch vụ công quốc gia (theo chỉ tiêu năm 2022); dự kiến hoàn thành tổng hợp, phê duyệt danh mục trước ngày 30/3/2022.

Về tiến độ thực hiện 25 dịch vụ công thiết yếu, trong danh mục các dịch vụ thiết yếu triển khai kết nối trong năm 2022: 14/25 dịch vụ công thực hiện trong tháng 3/2022: đã đạt 07/14 dịch vụ công (05 dịch vụ công mức độ 3, 02 dịch vụ công mức độ 4) theo lộ trình tại Đề án số 06, hiện đã cung cấp trên Cổng dịch vụ công thành phố và Cổng dịch vụ công Bộ Công an; sẵn sàng kết nối, tích hợp, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; còn 07/14 dịch vụ công hiện còn một số khó khăn, vướng mắc chưa triển khai được mức độ 3, mức độ 4. Đối với 11/25 dịch vụ công thực hiện trong tháng 5/2022: TP. Hà Nội chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng kết nối theo chỉ đạo vào tháng 5/2022.

Đối với nhóm các dịch vụ tiện ích phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, TP. Hà Nội đã chỉ đạo xây dựng và củng cố các tính năng cần có đảm bảo việc triển khai các ứng dụng liên quan đến giao dịch điện tử; thanh toán trực tuyến; biên lại điện tử và hóa đơn điện tử; sẵn sàng thực hiện theo yêu cầu của Bộ Công an và các Bộ, ngành. Đối với nhóm dịch vụ tiện ích phục vụ phát triển công dân số, đã tổ chức thông báo mã số định danh cá nhân cho 100% công dân trên địa bàn thành phố, triển khai thu nhận 5.725.728 hồ sơ Căn cước công dân có gắn chip



điện tử và làm sạch 03 cấp đối với 7,9 triệu dữ liệu dân cư trên địa bàn, đồng thời cập nhật thông tin 443.235 trường hợp hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và 11.189.118 thông tin tiêm chủng vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư; Tổ chức tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp định danh điện tử kết hợp cấp Căn cước công dân. Đến nay đã tiếp nhận tổng số 1.321 hồ sơ. Thường xuyên cập nhật dữ liệu dân cư bảo đảm “đúng”, “đủ”, “sạch”, “sống”.

Để hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư, Thành phố đã triển khai và đảm bảo tất cả cán bộ, công chức làm việc tại các đơn vị trên địa bàn đều được cấp thẻ Căn cước công dân gắn chip nhằm triển khai hiệu quả các ứng dụng trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tổng hợp, thống kê nhu cầu lắp đặt thiết bị quét mã QR trên thẻ Căn cước công dân gắn chip của 58 đơn vị trong thành phố với 1.293 thiết bị đăng ký sử dụng; duy trì việc làm sạch Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với những trường hợp công dân thôi quốc tịch Việt Nam.

Tiếp tục thực hiện việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đã chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; duy trì hoạt động hiệu quả Bộ phận một cửa tại 3 cấp; rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa 177/550 thủ tục hành chính), đạt tỷ lệ 32,2%; Ban hành Quyết định liên thông thủ tục hành chính con nuôi và cấp phiếu Lý lịch tư pháp và Liên thông thủ tục hành chính lĩnh vực Lao động - Thương binh và xã hội cấp xã - huyện - sở...

Bên cạnh đó, sẵn sàng kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Bộ Công an. Sau khi kết nối được sẽ phục vụ các hoạt động chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp. Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đã chỉ đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan rà soát, tham mưu việc bố trí nguồn nhân lực; rà soát cơ sở vật chất, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin; nâng cấp hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao năng suất lao động của Bộ phận Một cửa các cấp; Xây dựng cơ chế, chính sách, quy định đối với cán bộ, công chức Bộ phận Một cửa các cấp; bố trí nguồn kinh phí theo từng nhiệm vụ để đảm bảo đảm bảo các điều kiện triển khai Đề án 06.

Trong thời gian tới, TP. Hà Nội tập trung những nội dung sau: (1) Tiếp tục tập trung chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nội dung nhiệm vụ đã được xác định lộ trình cụ thể trong Đề án 06, Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 17/02/2022 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội. Phân công rõ trách nhiệm cụ thể để tổ chức thực hiện đúng tiến độ các nhiệm vụ được giao, nhất là những nhiệm vụ phải hoàn thành trong tháng 3/2022 và tháng 5/2022. (2) Đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về Đề án 06, Kế hoạch số 54/KH-UBND gắn với Luật Cư trú, Luật Căn cước Công dân và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan với các hình thức phong phú, phù hợp với từng lĩnh vực, địa bàn, đối tượng tuyên truyền, trong đó tập trung tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc triển khai, thực hiện Đề án trong các cấp, các ngành, các tầng lớp Nhân dân, nhất là cán bộ trực tiếp giải quyết dịch vụ công từ cấp cơ sở,

góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong việc thực hiện Đề án 06, phải làm cho các cấp, các ngành, các tầng lớp Nhân dân hiểu đây là đề án đột phá, liên quan trực tiếp đến các lợi ích của người dân, doanh nghiệp và quốc gia. (3) Tiếp tục chỉ đạo rà soát, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin. Thực hiện việc kết nối, tích hợp, chia sẻ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo đúng lộ trình Đề án 06 đã đề ra. Đồng thời thực hiện nghiêm các quy định về bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu. (4) Rà soát, bố trí kinh phí, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao. Định kỳ hàng tháng giao ban, kiểm điểm, đánh giá tiến độ, kết quả, kịp thời rút kinh nghiệm, khắc phục những tồn tại, hạn chế.

*Hồng Hải, Sở Nội vụ TP. Hà Nội*

## HÀ NỘI: THIẾT THỰC NÂNG CAO CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Việc nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thời gian qua luôn được các cơ quan, đơn vị thuộc TP. Hà Nội quan tâm thực hiện. Qua đó, nhiều nội dung, mô hình thiết thực được áp dụng, tạo nền tảng để thành phố đạt mục tiêu đề ra đối với chỉ số này trong giai đoạn tới.

### **Quyết tâm cải thiện**

Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2020 của TP. Hà Nội đạt 85,15%, xếp thứ 33/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tăng 19 bậc so với năm 2019. Tuy nhiên, một số tiêu chí, tiêu chí thành phần còn thấp hơn mức trung bình cả nước, như: Tiêu chí tiếp cận dịch vụ, tiêu chí công chức, tiêu chí kết quả giải quyết thủ tục hành chính...

Nguyên nhân là do trong quá trình thực hiện Kế hoạch cải thiện, nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của thành phố năm 2020, một số cơ quan, đơn vị được giao chủ trì chưa chỉ đạo quyết liệt nhiệm vụ được giao. Cùng với đó, người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quan tâm đúng đến chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”...

Nhằm khắc phục các tồn tại, hạn chế đó, từ đầu năm 2021, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ban hành Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 22/01/2021 về nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan, đơn vị; cải thiện, nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2021 của TP. Hà Nội. TP. Hà Nội cũng ban hành Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 11/6/2021 về cải thiện, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công giai đoạn 2021 - 2025 của thành phố. Tiếp đó, ngày 05/8/2021, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ban hành Công văn số 2542/UBND-SNV về việc tăng cường các giải pháp cải thiện,

nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2021. Đặc biệt, trong tháng 8/2021, thành phố đã lập Tổ công tác cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh và Chỉ số hài lòng của người dân về dịch vụ công TP. Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025...

Theo Giám đốc Sở Nội vụ Hà Nội Vũ Thu Hà, TP. Hà Nội đặt mục tiêu phấn đấu Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thành phố năm 2023 đạt trên 85%, năm 2025 đạt từ 90% đến 95% và đã có nhiều biện pháp quyết liệt trong chỉ đạo điều hành. Tiêu biểu như trong năm 2021, thành phố đã chỉ đạo các đơn vị đăng ký sáng kiến, giải pháp, cách làm hay, mô hình mới, từ đó nhân rộng ra toàn thành phố nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh.

Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Nguyễn Quốc Khánh cho hay, hướng đến sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp, đơn vị đã khảo sát đo lường sự hài lòng qua hệ thống trực tuyến quét mã QR trên trang thông tin điện tử của Sở.

Trong khi đó, Sở Tư pháp thí điểm giao doanh nghiệp bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực lý lịch tư pháp... Sở Xây dựng thực hiện cấp phép xây dựng hạng mục hạ tầng kỹ thuật song song với việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án phát triển nhà ở đối với các công trình nhà ở, giúp chủ đầu tư rút ngắn thời gian triển khai dự án.

### **Nâng trách nhiệm người đứng đầu**

Đối với các địa phương, việc cải thiện, nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước cũng được triển khai bằng những việc cụ thể, thiết thực. Các mô hình bộ phận “một cửa” hiện đại được nhiều nơi áp dụng như: Mô hình “một cửa” xanh, sạch, đẹp với việc bố trí khuôn viên, cây xanh, tiểu cảnh tại bộ phận “một cửa” của Ủy ban nhân dân quận Long Biên và Ủy ban nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

Theo Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì Chử Mạnh Thăng, để bảo đảm chất lượng phục vụ người dân, 100% cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận “một cửa” đều có kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ. Đội ngũ này cũng thường xuyên được bồi dưỡng, tập huấn các kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn như về tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, kỹ năng giao tiếp, ứng xử...

Trong khi đó, tại bộ phận “một cửa” của Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng đã khảo sát lấy ý kiến của cá nhân, người đại diện tổ chức đến làm thủ tục hành chính. Bà Nguyễn Thu Hương (phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng) chia sẻ: “Việc thăm dò ý kiến người dân để nâng cao chất lượng phục vụ là rất văn minh, cầu thị nên tôi sẵn lòng điền vào phiếu khảo sát”.

Giám đốc Sở Nội vụ Hà Nội Vũ Thu Hà cho biết, để tiếp tục đẩy mạnh cải thiện, nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trong thời gian tới, cần đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, chú trọng tuyên truyền trực tuyến về ý nghĩa Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tới cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp nhằm nâng cao tinh

thần trách nhiệm và sự đồng thuận xã hội. Cùng với đó, các cơ quan, đơn vị tăng cường các hình thức thông tin, tương tác với người dân về những vấn đề liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính, lợi ích của việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4...

Cũng theo bà Vũ Thu Hà, Đoàn kiểm tra công vụ của thành phố và Tổ công tác cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh và Chỉ số hài lòng của người dân về dịch vụ công thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025 sẽ tăng cường kiểm tra đột xuất, tái kiểm tra việc khắc phục tồn tại được chỉ ra từ đợt kiểm tra trước đây. Quan điểm là nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cấp, các ngành, xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật công vụ nếu có.

*Nguồn: hanoimoi.com.vn*

## HẢI DƯƠNG: SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI DẪN ĐẦU CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Sáng ngày 09/3, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương tổ chức hội nghị công bố chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố năm 2021.

Theo kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh được công bố, với 91,53 điểm (điểm tối đa 100), 2 năm liên tiếp Sở Giao thông vận tải là đơn vị dẫn đầu, Sở Khoa học và Công nghệ đứng thứ hai khối sở, ban, ngành đạt 90,33 điểm. Đây là lần đầu tiên từ năm 2016 đến nay, Sở Khoa học và Công nghệ vươn lên đứng thứ hai.

Ủy ban nhân dân TP. Hải Dương, Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách cùng đạt 85,86 lần lượt xếp thứ nhất và thứ 2 các huyện, thị xã, thành phố về chỉ số cải cách hành chính năm 2021. Thị xã Chí Linh từ vị trí thứ 1 năm 2020 đã tụt xuống vị trí thứ 3. Tương tự, thị xã Kinh Môn năm nay xếp thứ 4, tụt 2 bậc so với năm ngoái (xếp thứ 2). Trong khi đó, Sở Y tế và Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang là hai đơn vị có Chỉ số cải cách hành chính thấp nhất các khối năm 2021.

Căn cứ kết quả cải cách hành chính, khối sở, ngành có 2 người (Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Sở Khoa học và Công nghệ) đứng đầu xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 14 người xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ và 2 người hoàn thành nhiệm vụ về công tác cải cách hành chính. Ở cấp huyện không có người đứng đầu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 8 người hoàn thành tốt nhiệm vụ, 4 người hoàn thành nhiệm vụ.

Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 đối với 18 sở, ban, ngành và 12 huyện, thị xã, thành phố được xác định căn cứ vào 7 nội dung gồm: Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính; cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công vụ; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử. Công tác đánh giá được tổ chức triển khai bằng nhiều phương pháp: điều tra xã hội học; tự đánh giá, chấm điểm; đánh giá của Tổ thư ký giúp việc Hội đồng thẩm định Chỉ số cải cách hành chính tỉnh.



Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã tặng bằng khen cho 8 tập thể, 12 cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện cải cách hành chính năm 2021.

Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương Phạm Xuân Thăng đánh giá cao những chuyển biến từ nhận thức đến hành động của người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức các ngành, các cấp trong thực hiện cải cách hành chính. Đồng thời, chỉ ra những tồn tại như một số cơ quan, đơn vị.

Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương đề xuất, từ năm 2023 sẽ lấy ngày 01/3 là ngày công bố Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và yêu cầu năm 2022 các cấp, ngành cần tiếp tục quán triệt sâu sắc nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước, là một trong những giải pháp quan trọng, đột phá góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện tốt Thông báo số 600-TB/TU ngày 28/2/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, các huyện thị xã, thành phố. Tiếp tục quán triệt các văn bản hướng dẫn của Trung ương, địa phương về cải cách hành chính nhà nước. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính về cải cách hành chính theo tinh thần “5 rõ”. Đẩy mạnh công tác truyền thông để người dân, doanh nghiệp nắm được chủ trương, chính sách về cải cách hành chính. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương công vụ. Rà soát, làm rõ các nguyên nhân gây hạn chế, xác định cụ thể các bước tiếp theo, tập trung chỉ đạo, thực hiện hiệu quả...

*Nguồn: kinhtedothi.vn*

## THÁI NGUYÊN: HUYỆN PHÚ LƯƠNG GIÚP NGƯỜI DÂN HIỂU RÕ TIỆN ÍCH CỦA DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

Thời gian qua, việc triển khai dịch vụ công trực tuyến là một trong những giải pháp quan trọng được huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tập trung thực hiện nhằm từng bước xây dựng chính quyền số. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng cải cách thủ tục hành chính, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Với tốc độ phát triển nhanh của hạ tầng công nghệ thông tin, rất nhiều giao dịch trong đời sống xã hội của người dân đã được kết nối thông qua mạng Internet. Phát huy lợi thế đó, thời gian qua, việc giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến đã được huyện Phú Lương triển khai quyết liệt với các biện pháp đồng bộ để nâng cao hiệu quả cải cách hành chính. Trong đó, giải pháp then chốt chính là đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và nhân dân.

Để công tác tuyên truyền đạt hiệu quả cao, huyện Phú Lương đã giao Phòng Văn hóa - Thông tin, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông tăng cường tham mưu, triển khai thực hiện với nhiều hình thức đa dạng như: Xây dựng chuyên mục Cải cách hành chính và đăng tải tin, bài qua hệ thống loa phát thanh, Cổng thông tin điện tử từ cấp huyện đến xã, thị trấn; hướng dẫn và trao đổi thông tin về dịch vụ công trực tuyến trong các hội nghị tại xã,

xóm; thiết kế tài liệu hướng dẫn thực hiện dịch vụ công dưới dạng tệp gấp để cung cấp cho nhân dân ở các xóm trên địa bàn huyện; tuyên truyền trực quan qua pa nô, băng rôn...

Từ năm 2019 đến nay, hàng năm, huyện đều tổ chức Hội thi tuyên truyền cải cách hành chính với nội dung thi đa dạng.

Ngoài ra, huyện còn chỉ đạo gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong việc hướng dẫn và tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cho cá nhân, doanh nghiệp qua dịch vụ công trực tuyến.

Theo đó, vào đầu năm, huyện yêu cầu các xã, thị trấn đăng ký từ 3 đến 5 thủ tục hành chính được giải quyết trên dịch vụ công. Các thủ tục còn lại được khuyến khích có ít nhất 30% số thủ tục phát sinh được thực hiện qua hình thức này. Những yêu cầu trên đều được đưa vào tiêu chí đánh giá thi đua, khen thưởng hàng năm của các xã, thị trấn.

Không chỉ vậy, huyện còn thường xuyên có văn bản đôn đốc người đứng đầu các đơn vị, chính quyền chú trọng giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công mức độ 3, 4. Nhờ vậy, nhiều địa phương đã vào cuộc quyết liệt để nâng cao số thủ tục, hồ sơ được giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến.

Chủ tịch UBND xã Yên Đô Trần Văn Thông cho biết: Do địa phương thuộc miền núi nên điều kiện tiếp cận công nghệ thông tin và hiểu biết về dịch vụ công trực tuyến của người dân còn hạn chế. Chính vì vậy, xã thường xuyên văn bản gửi tới các trưởng xóm để tuyên truyền cho người dân về lợi ích, cách sử dụng dịch vụ công mức độ 3, 4. Bên cạnh đó, xã cũng đôn đốc cán bộ trực tại Bộ phận Một cửa tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn đăng ký tài khoản và cách sử dụng dịch vụ công trực tuyến khi người dân đến làm thủ tục hành chính...

Bằng các giải pháp đồng bộ, tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến trên địa bàn huyện đã tăng qua các năm. Riêng năm 2021, toàn huyện đã giải quyết 5.587 hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (tăng gần 65% số hồ sơ so với năm 2020).

Dịch vụ công được sử dụng nhiều hơn đã giúp tăng tính công khai, minh bạch của thủ tục hành chính; giảm thời gian, chi phí đi lại cho việc gửi hồ sơ và nhận kết quả của các tổ chức, cá nhân.

Để dịch vụ công trực tuyến tiếp tục phát huy được hiệu quả, thực chất phục vụ lợi ích của người dân, doanh nghiệp, ông Đỗ Quốc Hưng, Phó Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Phú Lương cho biết: Phòng đã và đang xây dựng kế hoạch đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm thay đổi tư duy, nhận thức của cán bộ và nhân dân về dịch vụ công trực tuyến; hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ để nâng cao chất lượng phủ sóng Internet trên địa bàn; đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin về chuyển đổi số...

*Nguồn: baothainguyen.vn*

## QUẢNG NGÃI: HUYỆN TƯ NGHĨA PHẦN ĐẦU NÂNG CAO CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi luôn xác định mục tiêu lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, lấy sự hài lòng của cá nhân, tổ chức làm thước đo trong phương thức phục vụ của chính quyền. Những nỗ lực đó đã giúp huyện vươn lên vị trí thứ 2 so với các huyện, thị xã, thành phố trong bảng xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của tỉnh.

Năm 2021, Chỉ số cải cách hành chính cấp xã của huyện Tư Nghĩa đạt điểm bình quân 77,2 điểm. Chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân huyện đạt 80,3/100 điểm, tăng 13,62 điểm và tăng 5 bậc so với năm 2020. Qua đó đưa Tư Nghĩa xếp thứ hạng 2/13 huyện, thị xã, thành phố về cải cách hành chính. Đây là sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị của huyện trong quá trình chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính.

Một trong những biện pháp được huyện Tư Nghĩa triển khai là gắn kết quả cải cách hành chính (chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính) với đánh giá, xếp loại, bình xét thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân người đứng đầu, cấp phó và cán bộ, công chức, viên chức (cán bộ, công chức, viên chức) liên quan. Đồng thời, thực hiện kiểm tra theo chuyên đề, định kỳ, đột xuất công tác cải cách hành chính tại các đơn vị. Nhờ vậy, hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức, viên chức được nâng lên, tạo sự hài lòng đối với người dân, doanh nghiệp.

Huyện thực hiện niêm yết công khai danh mục, nội dung thủ tục hành chính và thông báo tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính tại nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời, đăng tải công khai đầy đủ danh mục thủ tục hành chính và thông báo tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã trên trang thông tin điện tử của huyện; ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, giải quyết và trả thủ tục hành chính ở huyện, xã, thị trấn kịp thời, đúng hạn.

Phó Chánh Văn phòng huyện Tư Nghĩa Võ Duy Nhật Bảo cho biết, huyện đã triển khai thực hiện phần mềm quản lý văn bản iOffice. Tất cả cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, xã đều được cấp tài khoản thư điện tử công vụ và sử dụng tài khoản này để đăng nhập phần mềm quản lý văn bản, phần mềm "một cửa" và xử lý văn bản, gửi/nhận thư trong quá trình thực hiện công việc rất thuận lợi. Hiện 100% văn bản được phát hành dưới dạng điện tử có ứng dụng chữ ký số. Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử đạt 95%.

Tại bộ phận tiếp nhận giải quyết và trả thủ tục hành chính huyện Tư Nghĩa, mỗi ngày có hàng trăm lượt người đến giải quyết các thủ tục. Các thủ tục đều có hướng dẫn cụ thể, chi tiết thông qua hệ thống bảng điện tử có tương tác và có sự hướng dẫn trực tiếp của cán bộ. Bà Nguyễn Thị Liên, ở xã Nghĩa Điền (Tư Nghĩa) chia sẻ, thủ tục hành chính được giải quyết nhanh gọn. Cán bộ phục vụ tận tình, chu đáo, tôi rất hài lòng. Năm 2021, bộ phận "một cửa" huyện Tư Nghĩa tiếp nhận 23.493 hồ sơ. Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn đạt trên 97%. Qua điều tra đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương đạt 98%.

Phó Trưởng phòng Phòng Nội vụ huyện Tư Nghĩa Nguyễn Thanh Phú cho biết, thời gian tới, huyện sẽ nêu cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện công tác cải cách hành chính gắn với phương châm “3 không”. Đó là “không nợ thủ tục hành chính của người dân”, “không nợ giải quyết đơn thư cho người dân” và “không nợ văn bản chỉ đạo của cấp trên”. Huyện Tư Nghĩa phấn đấu trong năm 2022, Chỉ số cải cách hành chính của huyện, xã đạt từ 85 điểm trở lên và nằm trong top đầu cấp huyện về cải cách hành chính của tỉnh.

*Nguồn: baoquangngai.vn*

## BÀ RỊA - VŨNG TÀU: BƯỚC TIẾN MỚI TRONG TIẾN TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Sở Xây dựng và Sở Tài nguyên và Môi trường vừa đưa vào vận hành ứng dụng 'Hệ thống thông tin địa lý (GIS) quản lý quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật' tại TP. Bà Rịa. Ứng dụng cho phép người dùng tra cứu thông tin quy hoạch đất đai và xây dựng, hạ tầng kỹ thuật trên thiết bị điện tử có kết nối internet. Đây được xem là bước tiến mới trong tiến trình chuyển đổi số của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

### **Tra cứu thông tin đơn giản, dễ dàng**

“Hệ thống thông tin địa lý (GIS) quản lý quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật” gồm 2 chức năng chính: cho phép người dân tra cứu thông tin quy hoạch và thông tin hạ tầng kỹ thuật của khu đất. Về thông tin quy hoạch, khi tra cứu người dân sẽ biết được khu đất được quy hoạch vào nhóm đất nào (đất ở đô thị, đất ở nông thôn, đất phi nông nghiệp hay đất thương mại dịch vụ...). Đối với những khu vực đất ở, người dân khi tra cứu sẽ biết được mật độ xây dựng, chiều cao tối đa, số tầng... Còn mục “tra cứu dữ liệu hạ tầng kỹ thuật”, ứng dụng này sẽ cung cấp cho người dân 10 nhóm nội dung chính về hạ tầng kỹ thuật của khu đất như: hiện trạng công trình xây dựng, hiện trạng giao thông, hiện trạng hệ thống điện trung hạ thế, hiện trạng hệ thống cây xanh, hiện trạng hệ thống cấp nước, hiện trạng hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hiện trạng hệ thống thoát nước, hiện trạng hệ thống viễn thông, hiện trạng môi trường đô thị và hiện trạng nhà công sở.

Anh Phạm Chính Hoài (đường 27/4, phường Phước Hưng, TP. Bà Rịa) cho biết, anh vừa mua lô đất rộng gần 90m<sup>2</sup> trên đường Lương Thế Vinh (phường Long Tâm, TP. Bà Rịa). Để chuẩn bị xây nhà trên khu đất này, anh vào ứng dụng “Hệ thống thông tin địa lý (GIS) quản lý quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật” để tra cứu thông tin. Các thao tác để tra cứu thông tin khá đơn giản, chỉ cần đăng nhập vào hệ thống, điền số tờ, số thửa đất thì tra được các thông tin quy hoạch đô thị và kỹ thuật có liên quan. Cụ thể, thửa đất của anh Hoài theo kết quả tra cứu là đất ở đô thị 100%, được quy hoạch 1 trệt, 2 lầu. Các hạ tầng kỹ thuật của khu đất này đầy đủ với đường hiện hữu trước đất 8m, có sẵn điện, nước, hệ thống thoát nước, cáp viễn thông, cây xanh... “Với các thông tin này, tôi yên tâm xin giấy phép xây dựng để xây nhà”, anh Hoài cho hay.



Theo Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin (Sở Tài nguyên và Môi trường) Phạm Huỳnh Quang Hiếu, ứng dụng “Hệ thống thông tin địa lý (GIS) quản lý quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật” được xây dựng dựa trên nền tảng của ứng dụng tra cứu quy hoạch đất đai mà Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng trước đó để tra cứu thông tin quy hoạch đất đai từ số tờ, số thửa. Từ đó, Sở Xây dựng tích hợp, hoàn thiện các thông tin liên quan đến lĩnh vực xây dựng như quy hoạch, hạ tầng đô thị,... để giúp người dân tra cứu thông tin nhanh nhất. “Sản phẩm đầu ra của dự án là đưa tất cả các quy hoạch đô thị và xây dựng lên nền bản đồ địa chính do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp bao gồm cả hệ thống kỹ thuật hiện hữu của TP. Bà Rịa. Ứng dụng nhằm cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng cho người dân (chức năng của khu đất là gì, mật độ xây dựng ra sao...); đồng thời phục vụ công tác quản lý Nhà nước; quá trình đầu tư hạ tầng ra sao... Hiện ứng dụng mới được thí điểm cho việc tra cứu thông tin quy hoạch tại TP. Bà Rịa”, ông Hiếu cho biết.

### **Sẽ triển khai mở rộng trên toàn tỉnh**

Theo Phòng Quy hoạch kiến trúc, Sở Xây dựng, tháng 6/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 1606/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án ứng dụng “Hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ công tác lập, quản lý quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị trên địa bàn tỉnh (xây dựng thí điểm cho TP. Bà Rịa)”. Thời gian thực hiện dự án 24 tháng. Đây là một dự án mới tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên trước khi thực hiện, Sở Xây dựng đã học tập một số địa phương khác như: Huế, Bình Dương,... Đến cuối năm 2020, dự án hoàn thành và Sở Xây dựng đã có báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép cung cấp thông tin rộng rãi cho người dân sử dụng để tra cứu thông tin quy hoạch xây dựng trên địa bàn TP. Bà Rịa.

Việc xây dựng dự án này khá công phu và vất vả, bởi phải số hóa toàn bộ dữ liệu về quy hoạch xây dựng trong khoảng thời gian dài gần 20 - 30 năm. Theo đó, những đồ án được vẽ trên giấy qua nhiều thời kỳ phải chuyển hóa thành bản đồ số để đưa lên hệ thống. Các bản vẽ quy hoạch đô thị qua nhiều thời kỳ không khớp nhau, nên trong quá trình vừa làm vừa phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

Sau một thời gian triển khai ứng dụng vào thực tiễn, ngày 7/12/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có Văn bản số 19809/UBND-VP về chủ trương triển khai mở rộng xây dựng hệ thống thông tin địa lý GIS cho các địa phương khác. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện.

Để xem thông tin quy hoạch xây dựng, tra cứu dữ liệu hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn TP. Bà Rịa, người dân có thể truy cập vào ứng dụng <http://quyhoachxaydung.baria-vungtau.gov.vn/>. Sau đó đăng nhập, đánh số tờ, số thửa và click vào những mục cần tra cứu.

Theo Sở Xây dựng, khi mở rộng dự án cho các địa phương khác thì các thông tin về quy hoạch hạ tầng thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị nào thì cơ quan, đơn vị đó phải chịu trách nhiệm cập nhật bằng cách số hóa lên ứng dụng, chỉ cần có kết nối mạng là người dân có thể tra cứu thông tin quy hoạch xây dựng bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu. Còn phía cơ quan quản lý nhà nước thì có sẵn dữ liệu trên hệ thống để dễ dàng tra cứu thông tin, so sánh trước và sau

khi cần thiết. Cơ quan đầu tư hạ tầng thì dễ dàng nắm thông tin để có kế hoạch sửa chữa, bảo trì điện, nước, chăm sóc cây xanh...

Ngoài ra, ứng dụng này nhằm hướng tới việc bãi bỏ thủ tục hành chính về cung cấp thông tin quy hoạch và chứng chỉ quy hoạch, từ đó làm lợi được 15 ngày cho người dân và giảm được 3 công chức làm nhiệm vụ này. Đặc biệt, ứng dụng này sẽ hạn chế việc làm giả văn bản thông tin quy hoạch của các đối tượng làm dịch vụ nhà đất.

*Nguồn: baobariavungtau.com.vn*

## BÌNH PHƯỚC: ĐIỂM NHẤN XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ

Với mục tiêu chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử lấy người dân, doanh nghiệp là đối tượng được thụ hưởng lớn nhất, Bình Phước đang từng ngày bứt phá mạnh mẽ, trở thành 'điểm sáng' trong khu vực Đông Nam Bộ về lĩnh vực này.

Điểm nhấn xây dựng chính quyền điện tử, bắt đầu từ cuối năm 2018, khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước ban hành Nghị quyết 07/NQ-TU về xây dựng chính quyền điện tử Bình Phước giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2025.

Ngay sau khi Nghị quyết được ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã xây dựng kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 1.0. Đến đầu năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước tiếp tục ban hành phiên bản 2.0 nhằm thiết lập cơ sở, định hướng cho quá trình xây dựng chính quyền điện tử tại tỉnh; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động các cơ quan nhà nước của tỉnh, tăng cường công khai, minh bạch thông tin, cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

### Quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành

Đề cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, ngày 18/5/2021, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh, với quan điểm: Chuyển đổi số là một bước cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, chuyển đổi số phải do cấp ủy lãnh đạo, chính quyền thực hiện với sự quyết liệt và chung tay của toàn hệ thống chính trị nhằm chuyển đổi số thành công trên mọi lĩnh vực.

Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy đưa ra quan điểm, mục tiêu là thực hiện chuyển đổi từng lĩnh vực tiến tới chuyển đổi tổng thể và toàn diện; coi doanh nghiệp, người dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình này; lĩnh vực nào doanh nghiệp, người dân cần thì tập trung chuyển đổi trước; chọn một số ngành, địa phương, doanh nghiệp chuyển đổi toàn diện, làm điểm để rút kinh nghiệm.

Với phương châm “lấy người dân và doanh nghiệp làm động lực kiến tạo, phát triển”, Bình Phước chọn nhóm 9 lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số đến năm 2025, gồm: Quản lý dân cư, tài nguyên, giáo dục, y tế, tài chính-ngân hàng, nông nghiệp, giao thông, năng lượng, sản xuất

công nghiệp. Đồng thời, tỉnh xây dựng nhóm 5 mô hình thí điểm chuyển đổi số toàn diện, gồm: mô hình doanh nghiệp với 5 công ty; mô hình hợp tác xã với 2 đơn vị; mô hình cơ quan hành chính với 12 cơ quan; mô hình cấp huyện với 3 địa phương (thành phố Đồng Xoài, thị xã Phước Long và huyện Lộc Ninh); mô hình cấp xã với 20 xã, phường, thị trấn.

Ngoài ra, Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy còn đề cập việc tỉnh Bình Phước tăng cường hợp tác với các tập đoàn, công ty có uy tín, năng lực trong lĩnh vực công nghệ thông tin để hợp tác, thuê dịch vụ, ưu tiên triển khai ứng dụng dùng chung, giảm mua sắm, nâng cao hiệu quả của chuyển đổi số.

Bí thư Tỉnh ủy Bình Phước Nguyễn Mạnh Cường nhấn mạnh: Quan điểm của tỉnh là chuyển đổi số phải do cấp ủy lãnh đạo, chính quyền thực hiện với sự quyết liệt và chung tay của toàn hệ thống chính trị; thực hiện trên từng lĩnh vực tiến tới đồng bộ và toàn diện, với ba trụ cột (chính quyền số, kinh tế số, xã hội số); chuyển đổi số gắn liền với cải cách thủ tục hành chính, đổi mới cách thức làm việc của các cơ quan nhà nước, tất cả hướng tới phục vụ doanh nghiệp và người dân ngày càng tốt hơn. “Chúng tôi coi nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, thủ trưởng các cơ quan trong chỉ đạo thực hiện số hóa tại cơ quan, địa phương mình là nhiệm vụ hàng đầu. Từ đó, lấy tiêu chí số hóa để đánh giá cán bộ hằng năm; qua đó việc tổ chức thực hiện đã đạt được những kết quả rất đáng mừng”- đồng chí Bí thư Tỉnh ủy nói.

### **Những bước tiến mang tính đột phá**

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Nguyễn Minh Quang cho biết: Năm 1997, khi tái thành lập tỉnh, lĩnh vực công nghệ thông tin còn khá mờ nhạt, chỉ có một số ít đơn vị đã xây dựng được mạng LAN; đa số máy tính đều sử dụng phần mềm ứng dụng văn phòng (Word, Excel) phục vụ cho việc báo cáo, thống kê, tính toán. Đến năm 2002, toàn tỉnh có 5 công chức có trình độ đại học và cao đẳng về tin học...

Đến nay, tỷ lệ cán bộ, công chức trong các cơ quan khối Đảng và Nhà nước của tỉnh Bình Phước được trang bị máy tính phục vụ công tác đạt 100%; 100% cơ quan, đơn vị có kết nối internet tốc độ cao, được trang bị mạng nội bộ kết nối theo mô hình máy chủ/máy trạm. Lĩnh vực bưu chính, viễn thông đã triển khai thử nghiệm phát sóng thành công mạng 5G tại khu vực trung tâm tỉnh từ tháng 2/2021; đang thực hiện đẩy mạnh phủ sóng thông tin di động 100% các khu vực trên địa bàn tỉnh, nhất là khu vực biên giới; toàn tỉnh đạt gần 1,2 triệu thuê bao (bình quân đạt 115,9 thuê bao/100 dân).

Đặc biệt, năm 2021, tỉnh Bình Phước bứt phá, vươn lên đứng đầu cả nước ở các nhóm công việc như: Về dịch vụ công trực tuyến, từ chỗ xếp thứ 47/63 tỉnh, thành phố đã vươn lên xếp thứ nhất cả nước (tính đến 31/12/2021 tỉnh có 1.450 dịch vụ công được kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia); từ một tỉnh chưa có hồ sơ cấp bản sao chứng thực điện tử từ bản chính đã thành công vươn lên đứng đầu cả nước (tính đến 31/12/2021 có hơn 35.000 hồ sơ chứng thực điện tử thành công).

Về thanh toán nghĩa vụ tài chính về đất đai, các loại phí, lệ phí trực tuyến, từ chỗ chưa có thanh toán trực tuyến nào vươn lên xếp thứ 1/63 tỉnh, thành phố cả về tổng số giao dịch và số tiền thanh toán trực tuyến.

Trên nền tảng công nghệ thông tin hiện có, tỉnh Bình Phước đang đẩy mạnh thanh toán trực tuyến, tổ chức xây dựng các phần mềm để minh bạch các khoản thu trong giáo dục; thuế, phí đến tận cấp xã, phường... Tỉnh Bình Phước đang xây dựng Đề án khám, chữa bệnh từ xa bằng hình thức trực tuyến để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân...

Xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số bước đầu mang lại sự hài lòng cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Anh Nguyễn Lê Trường, Giám đốc Công ty cổ phần Năng lượng Lộc Ninh (phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước) cho biết: “Khi chính quyền quan tâm giải quyết các thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến, doanh nghiệp chúng tôi thực hiện rất thuận lợi, nhất là trong giai đoạn dịch COVID-19 diễn biến phức tạp.

Hồ sơ, giấy tờ liên quan đến các dự án thực hiện rất thuận lợi và đúng tiến độ. Qua đó, góp phần vào sự phát triển chung của tỉnh và doanh nghiệp chúng tôi”. Còn chị Hà Phương Hạnh, phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài lại rất hài lòng khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất: “Giờ chúng tôi chỉ nộp hồ sơ vào bộ phận một cửa là nhận giấy hẹn và đến ngày thì nhận kết quả. Còn các nghĩa vụ tài chính, thuế, chúng tôi nhận thông báo, thanh toán trực tuyến nhanh gọn”.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước Trần Tuệ Hiền cho rằng: Thực hiện chuyển đổi số là yêu cầu tất yếu, khách quan theo xu thế của thời đại, giúp cho mọi hoạt động được đưa lên môi trường số, tạo ra một không gian hoạt động hoàn toàn mới, làm thay đổi cách vận hành công việc và cuộc sống. Đây là cơ hội “vàng” giúp chúng ta bắt kịp và vươn lên phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, làm thay đổi cuộc sống của nhân dân, tạo sự phát triển mạnh mẽ, bền vững của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, Bình Phước đang được xem là một tỉnh nhỏ, hạ tầng công nghệ thông tin cũng đang cần được ưu tiên nguồn lực đầu tư; nguồn nhân lực để thực hiện còn thiếu, trình độ chuyên môn cần được đào tạo nâng cao...

Để giải quyết bài toán này, Bí thư Tỉnh ủy Bình Phước Nguyễn Mạnh Cường cho biết: Tỉnh đang đẩy mạnh thu hút đầu tư, nhất là các nhà đầu tư có tiềm năng, nhà đầu tư lớn để tạo ra những nền tảng quan trọng cho các ngành của tỉnh, nhất là ngành công nghệ thông tin. Tỉnh coi trọng việc đào tạo nguồn nhân lực-đây là một hạ tầng mềm rất quan trọng.

Đến nay, tỉnh đã xây dựng các giải pháp phát triển nguồn nhân lực về chất lượng và số lượng. Về chất lượng, tỉnh đang đẩy mạnh xúc tiến hợp tác với Tập đoàn FPT đào tạo phát triển công nghệ thông tin; tái cấu trúc trường nghề của tỉnh một cách mạnh mẽ. Đồng thời, tỉnh đẩy mạnh phân luồng học sinh để hướng nghiệp và đào tạo nghề nhằm nâng cao số lượng lao động có trình độ.



Ngoài ra, tỉnh có nhiều chính sách để thu hút nguồn nhân lực như: phát triển nhà ở cho công nhân, hỗ trợ kinh phí ban đầu khi về làm việc tại tỉnh, tăng thu nhập cho những sinh viên chuyên ngành này...

Xây dựng chính quyền đô thị và chuyển đổi số không chỉ là cải thiện thứ hạng một cách ngoạn mục trên Cổng dịch vụ công quốc gia, mà còn có ý nghĩa rất quan trọng, tạo tiền đề để Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước tiếp tục chỉ đạo, điều hành những cách làm mang tính đột phá, tạo niềm tin và động lực để tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả cải cách thủ tục hành chính, phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn.

*Nguồn: nhandan.vn*

# THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ NGUYÊN TẮC PHÂN CÔNG, PHỐI HỢP VÀ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC THEO HIẾN PHÁP NĂM 2013

Khoản 2, Điều 3 Hiến pháp năm 2013 quy định “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”. Như vậy, bên cạnh việc quy định cụ thể hơn về phân công, phối hợp thực hiện quyền lực nhà nước thì đây là lần đầu tiên Hiến pháp nước ta quy định về nguyên tắc kiểm soát quyền lực nhà nước giữa các cơ quan thực thi quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Tuy nhiên, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu, tổng kết nhằm có những giải pháp thực hiện tốt hơn nữa nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước của Hiến pháp năm 2013.

## 1. Xây dựng bộ máy nhà nước hợp lý, hoạt động hiệu lực và hiệu quả

“Một nhà nước có hiệu lực, hiệu quả là nhân tố thiết yếu cho việc cung cấp các hàng hóa và dịch vụ cũng như các quy định và thể chế cho phép thị trường phát triển mạnh mẽ và con người có đời sống khỏe mạnh hơn, hạnh phúc hơn”(1). Xây dựng bộ máy nhà nước hợp lý, hoạt động hiệu lực và hiệu quả là nội dung cốt lõi của việc tạo lập thể chế chính trị, thể chế nhà nước hiện đại. Đây là vấn đề lý luận và thực tiễn về chính thể, các hình thức tổ chức nhà nước trong lịch sử lập hiến gần 250 năm của các quốc gia trên thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng trong suốt 75 năm qua. Tuy không có một khuôn mẫu chung cho mọi thể chế nhà nước trên thế giới, nhưng ngày nay, phần lớn các thể chế chính trị của các quốc gia đều hàm chứa trong đó những giá trị, những nguyên tắc chung của chính thể dân chủ (dân chủ tư sản hoặc dân chủ xã hội chủ nghĩa).

Theo cách tiếp cận này, cần quán triệt những vấn đề có tính nguyên tắc: “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị cần thực hiện với quyết tâm chính trị cao. Những vấn đề thực tiễn đòi hỏi, đã đủ rõ, chín muồi thì kiên quyết thực hiện. Những vấn đề chưa đủ rõ thì khẩn trương nghiên cứu, làm thí điểm và tổng kết thực tiễn để làm rõ, có bước đi thích hợp, không nóng vội, chủ quan, duy ý chí. Những chủ trương đã thực hiện, nhưng thực tiễn khẳng định là không phù hợp thì điều chỉnh, sửa đổi ngay”(2).

Lý luận và thực tiễn cho thấy: để thực hiện và bảo đảm nguyên tắc: “... Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”(3), các định chế liên quan đến tổ chức và hoạt động của bộ máy quyền lực (quyền lực chính trị và quyền lực nhà nước) luôn đề cao tính tập trung, thống nhất. Điều này được thể hiện qua việc Hiến pháp năm 2013 đã xác định hợp lý hơn thẩm quyền của các cơ quan đại diện của Nhân dân là Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Việc xử lý các mối quan hệ trên thực chất là hoàn thiện hơn nữa cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” để bảo đảm mục tiêu “quyền lực thuộc về Nhân dân” và để thực hiện có hiệu quả hơn nữa nguyên tắc hiến định: “Quyền lực nhà nước là thống

nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”(4).

## **2. Về nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực của các cơ quan quyền lực nhà nước**

Một là, về tính thống nhất (tập trung) của Nhà nước. Tính thống nhất của Nhà nước ta được thể hiện ở nhiều khía cạnh, từ bản chất đến mục tiêu; biểu hiện tập trung nhất là sự bảo đảm ở Điều 4 Hiến pháp năm 2013 quy định về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

Điều đó cũng có nghĩa là xác lập tính nhất nguyên của chính thể cộng hòa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và minh định vai trò của đảng cầm quyền - tính chính đảng của lực lượng cầm quyền. Việc thiết kế hình thức tổ chức nhà nước phải hướng ưu tiên vào việc bảo đảm quá trình vận hành của bộ máy nhà nước nhằm thể hiện rõ sự “phân công, phối hợp” và để “kiểm soát” giữa các nhánh quyền lực nhà nước; là giải quyết mối quan hệ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, bảo đảm cho bộ máy nhà nước hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đồng thời có thể ngăn ngừa và xử lý kịp thời các bất cập phát sinh (nếu có).

Hai là, về thẩm quyền của Quốc hội. Xuất phát từ nguyên tắc hiến định “... tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân” (Khoản 2 Điều 2 Hiến pháp năm 2013), và “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân” (Điều 2 Hiến pháp năm 2013), cho nên trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân. Trong đó, Quốc hội là thiết chế do Nhân dân bầu ra, còn các cơ quan và cá nhân đứng đầu trong bộ máy hành pháp và tư pháp do Quốc hội bầu ra hoặc phê chuẩn (nghĩa là trên cơ sở nhân dân ủy quyền cho Quốc hội).

Vì vậy, Quốc hội được coi là thiết chế trung tâm, có vị trí đặc biệt quan trọng trong bộ máy nhà nước “Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất...” (Điều 69 Hiến pháp năm 2013). Điều này cho phép khắc phục những quan niệm đơn giản và phiến diện khi cho rằng nếu xem Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, thì vô hình chung quyền lực của các cơ quan hành pháp, tư pháp đều “thấp hơn” so với cơ quan lập pháp và mâu thuẫn với nguyên tắc phân công, phối hợp, đặc biệt là nguyên tắc kiểm soát giữa quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp do Hiến pháp năm 2013 quy định.

Quyền giám sát tối cao của Quốc hội có quan hệ rất chặt chẽ với các quyền khác. Qua hoạt động giám sát sẽ giúp đánh giá kết quả hoạt động lập pháp có phù hợp với thực tiễn hay không để bổ sung, hoàn thiện, phát huy vai trò của quyền lập pháp. Nếu quyền lập pháp và quyền “quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước”(5) của Quốc hội được thực hiện tốt sẽ là điều kiện để thực hiện tốt hơn quyền giám sát tối cao.

Quyền giám sát tối cao của Quốc hội có tác động tích cực đến quyền hành pháp, qua đó giúp phát hiện yếu tố tích cực để phát huy, nhân rộng và những sai sót để kiến nghị với Chính phủ sửa đổi cho phù hợp thực tiễn. Đồng thời, quyền này còn tác động đến hoạt động tư pháp của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Như vậy, giám sát tối cao (ở bộ máy cấp Trung ương) là để giúp cho việc thực hiện hành pháp và quyền tư pháp có hiệu quả

hơn; đồng thời cũng giúp khắc phục những thiếu sót (nếu có) trong tổ chức và hoạt động của quyền hành pháp và quyền tư pháp.

Ba là, về mô hình tổ chức của cơ quan hành pháp. Cần đánh giá những ưu điểm và hạn chế trong mô hình tổ chức, phương thức hoạt động và cả cơ chế phối hợp giữa cơ quan hành pháp với các thiết chế trong bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị để thể hiện rõ hơn vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và hiệu quả phối hợp với các thiết chế trong bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị. Qua đó giúp cho cơ quan hành pháp có thêm sức mạnh, khả năng giải quyết những vấn đề của quản lý nhà nước trong bối cảnh nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Bốn là, về quyền tư pháp. Cần tiếp tục nghiên cứu, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và các nguyên tắc hoạt động của Tòa án nhân dân, việc thực hiện quyền tư pháp theo quy định của Hiến pháp năm 2013 để tiếp tục sửa đổi, bổ sung quy định về hệ thống tổ chức Tòa án cho phù hợp với chủ trương cải cách tư pháp.

Tương tự, cần tiếp tục khẳng định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; đồng thời làm rõ hơn nguyên tắc hoạt động của Viện kiểm sát khi thực hiện quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp để sửa đổi, bổ sung quy định về hệ thống tổ chức Viện kiểm sát cho phù hợp với chủ trương cải cách tư pháp của Đảng.

Năm là, cần quy định cụ thể để nhân dân và các tổ chức đại diện của nhân dân thực hiện có hiệu quả quyền phản biện xã hội, giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước. Trong thể chế dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, Nhân dân có quyền phản biện xã hội, kiểm soát, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước; phản biện xã hội đối với dự thảo các quyết sách của Nhà nước và giám sát hoạt động của Nhà nước nói chung, các tổ chức và cá nhân nắm giữ các trọng trách trong bộ máy quyền lực nhà nước nói riêng.

Hoạt động phản biện xã hội và giám sát của Nhân dân có thể được thực hiện gián tiếp bởi các đại biểu do mình bầu ra - đại biểu Quốc hội hoặc bằng hoạt động phản biện xã hội, giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; hoặc cử tri phản ánh trực tiếp với đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thông qua những quy định cụ thể.

Trong thực tế, các hoạt động trên đã được cụ thể hóa trong Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội và Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khóa XI quy định về việc Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Tuy nhiên, để nội dung các quyết định được hiện thực hóa, cần tạo điều kiện cho người dân, các tổ chức đoàn thể phát huy được quyền giám sát, phản biện xã hội có hiệu quả hơn.

*PGS. TS. Nguyễn Thị Tâm, Học viện Chính trị khu vực III,*

*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

*Nguồn: tcnn.vn*



-----  
**Ghi chú:**

(1) Ngân hàng thế giới, Nhà nước một thế giới đang chuyển đổi, Nxb Chính trị quốc gia, H.1998, tr.13.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Văn phòng Trung ương Đảng, H.2013, tr.113.

(3), (4), (5) Hiến pháp năm 2013, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, H.2014.

## NGÀNH TÀI CHÍNH: KHÔNG NGỪNG CẢI CÁCH, HIỆN ĐẠI HÓA, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

Xác định cải cách, hiện đại hóa, cải cách thủ tục hành chính là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục nên ngay từ đầu năm, các cơ quan thuế, hải quan, kho bạc nhà nước đã đẩy mạnh cải cách trên tất cả các lĩnh vực, mở rộng triển khai hóa đơn điện tử, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp cũng như các đơn vị sử dụng ngân sách, nhất là trong bối cảnh dịch COVID-19 đang diễn biến phức tạp như hiện nay.

### **Cải cách hiện đại hóa trên tất cả các lĩnh vực**

Thời gian qua, Bộ Tài chính tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan, kho bạc nhà nước (KBNN); tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án công nghệ thông tin; mở rộng hỗ trợ người nộp thuế thực hiện khai thuế, nộp thuế điện tử và các đơn vị sử dụng ngân sách.

Tính đến ngày 19/02, trong lĩnh vực thuế đã có 99,64% doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử, với số lượng hồ sơ tiếp nhận là 3,1 triệu hồ sơ; đã có 99% doanh nghiệp đăng ký tham gia sử dụng dịch vụ nộp thuế điện tử với cơ quan thuế, với số tiền thuế đã nộp là 122,7 nghìn tỷ đồng và 5,87 triệu USD thông qua hơn 1 triệu giao dịch.

Về triển khai hóa đơn điện tử, đã có 90% doanh nghiệp đang hoạt động và 14,9 nghìn hộ kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử tại 6 địa phương; đồng thời, tích cực chuẩn bị đầy đủ cơ sở, điều kiện vật chất để triển khai giai đoạn 2.

Bên cạnh đó, đã có hơn 533 nghìn tài khoản đăng ký khai thuế điện tử đối với cá nhân cho thuê nhà tại 63 địa phương, với tổng số tờ khai đã nhận là 16,76 nghìn; có 16,45 nghìn hồ sơ khai lệ phí trước bạ điện tử với ô tô, xe máy tại Cục Thuế TP. Hà Nội (đạt 27,7%) và 18,2 nghìn hồ sơ tại Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh (đạt hơn 23,6%); có 53,3 nghìn giao dịch nộp lệ phí trước bạ ô tô xe máy trên cả nước thông qua hình thức ebanking và mobi banking (đạt 5,9%).

Ngoài ra, có 9,4 nghìn người sử dụng app Mobile (trên tổng số người đăng ký tài khoản là 13,2 nghìn), thực hiện 1,8 nghìn giao dịch nộp thuế điện tử, với tổng số tiền trên 4,5 tỷ đồng.

Trong lĩnh vực hải quan, đã có 244 thủ tục hành chính được cung cấp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (với 13 Bộ, ngành tham gia kết nối), xử lý được 4,8 triệu hồ sơ của 51,8 nghìn doanh nghiệp tham gia. Ngành Hải quan tiếp tục trao đổi thông tin chứng nhận xuất xứ mẫu D điện tử với tất cả 9 nước ASEAN, trong 2 tháng đầu năm đã nhận 31 nghìn C/O và gửi đi 25,4 nghìn C/O.

Đồng thời, các cơ quan chức năng đang kết nối thử nghiệm và chuẩn bị các yêu cầu liên quan để kết nối thử nghiệm trao đổi chứng nhận kiểm dịch thực vật trong năm 2022.

Bên cạnh đó, cơ quan hải quan đang đàm phán các nghị định thư, thống nhất yêu cầu kỹ thuật và xây dựng hệ thống để trao đổi về chứng nhận xuất xứ với Liên minh kinh tế Á - Âu; thông tin C/O điện tử với Hàn Quốc; chứng nhận điện tử với New Zealand.

Trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước, đến nay đã cung cấp 9 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 để phục vụ 9/11 thủ tục hành chính; đồng thời đang nghiên cứu cải tiến quy trình và hệ thống công nghệ thông tin nhằm liên thông giữa các ứng dụng dịch vụ công trực tuyến, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, TABMIS và thanh toán điện tử với ngân hàng đối với chi đầu tư (đã hoàn thành đối với chi thường xuyên).

### **Hỗ trợ doanh nghiệp khi dịch bệnh còn phức tạp**

Bộ trưởng Bộ Tài chính Hồ Đức Phúc luôn nhấn mạnh, một trong những ưu tiên trong chỉ đạo điều hành của ngành Tài chính đó là các chính sách tài chính, bên cạnh việc phải đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn, điều cốt yếu là phải vì sự phát triển của đất nước, vì dân và vì sự phát triển của doanh nghiệp, coi doanh nghiệp là trung tâm.

### **Đặt mục tiêu nâng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt tối thiểu 90%**

Trong Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025, Bộ Tài chính sẽ cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các quy định thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính, mục tiêu đặt ra là mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90% (con số hiện nay là 80%).

Sang năm 2022, tối thiểu 30% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó.

Năm ngoái, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ký quyết định ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Tài chính.

Theo đó, Bộ Tài chính xác định, quán triệt chủ trương của Đảng về cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính là một trong những đột phá phát triển ngành. Cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính.

Trong thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022, đến nay, Bộ Tài chính đã triển khai thực hiện 117/159 nhiệm vụ (trong đó đã hoàn thành 12 nhiệm vụ, triển khai 60 nhiệm vụ thường xuyên có hiệu quả và đảm bảo tiến độ, đang tiếp tục thực hiện 45 nhiệm vụ theo kế hoạch). Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính là 876 thủ tục. Tổng số dịch vụ công trực tuyến thực tế triển khai là 868 thủ tục. Trong đó: số dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 là 91 (tỷ lệ 10,48%); số dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 là 258 (tỷ lệ 29,73%); số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 78 (tỷ lệ 8,98%); số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là 441 (tỷ lệ 50,81%). Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 là 519 (tỷ lệ 59,79%).

Cùng với đó, Bộ phận Một cửa của Bộ Tài chính tiếp tục được vận hành ổn định, hiệu quả. Tính từ đầu năm đến nay, đã tiếp nhận 138 hồ sơ, trong đó đã trả kết quả 70 hồ sơ, đang giải quyết trọng hạn 68 hồ sơ và không có hồ sơ quá hạn.

Trong bối cảnh dịch bệnh đang diễn biến phức tạp như hiện nay, việc đẩy mạnh cải cách hiện đại hóa trong mọi quy trình thủ tục, sẽ góp phần không nhỏ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, cũng như cơ quan quản lý, tiết kiệm cả thời gian và chi phí trong thực thi các thủ tục.

### **Góp phần quan trọng xây dựng chính phủ điện tử**

Theo Trưởng ban Ban Pháp chế, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam Đậu Anh Tuấn theo khảo sát của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu đánh giá khá tích cực trong công tác cải cách thủ tục hành chính hải quan, như thông tin về chính sách và thủ tục hành chính xuất nhập khẩu dễ tiếp cận hơn. Một số cải cách lớn của cơ quan hải quan, thuế cũng được doanh nghiệp ghi nhận như giảm bớt sự chồng chéo, trùng lặp trong kiểm tra...

Chuyên gia kinh tế TS. Nguyễn Minh Phong cũng đã dành nhiều lời ngợi khen khi theo sát quá trình thực hiện cải cách hiện đại hóa ngành Tài chính, cũng như cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Ông cho rằng, những cải cách của ngành Tài chính góp phần quan trọng vào xây dựng chính phủ điện tử. Ngành Tài chính luôn là “cơ quan đi đầu trong khối các Bộ, ngành của Chính phủ” thực hiện cải cách hiện đại hóa. Trong đó, thủ tục thuế, hải quan có tác động nhiều nhất tới doanh nghiệp đã không ngừng được cải thiện nhiều năm qua.

Theo vị chuyên gia này, về cơ bản, các thủ tục hành chính lĩnh vực tài chính ngày càng được hoàn thiện theo hướng thống nhất, đồng bộ, đơn giản, công khai, minh bạch, tăng tính liên thông, ứng dụng tối đa công nghệ thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong quá trình tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính; đồng thời, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Được biết, trong thời gian tới, Bộ Tài chính tập trung vào một trong những định hướng lớn và cũng là một mũi nhọn đột phá cải cách hành chính của ngành Tài chính trong giai đoạn tới, đó là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để thúc đẩy cải cách hành chính. Nhóm giải pháp này nhằm thúc đẩy phát triển nền kinh tế số với mục tiêu hướng tới là xây dựng nền tài chính số kết nối với các bên thông qua việc chia sẻ dữ liệu và các nền tảng số hóa để cho phép nhiều bên tạo ra các dịch vụ tài chính thông minh.

Trong bối cảnh dịch COVID-19 vẫn còn diễn biến phức tạp hiện nay, đây là hướng đi đúng và “hợp lòng dân”, sẽ góp phần quan trọng vào việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia ở giai đoạn phát triển mới này.

*Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn*



## CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỂ TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN

Cải cách hành chính là một chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước trong suốt quá trình thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, là tiền đề quan trọng để thực hiện thành công quá trình đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Hiện nay, cải cách hành chính nhà nước đặt ra như một tất yếu khách quan và ngày càng trở nên cấp thiết, đặt trong tổng thể cải cách bộ máy nhà nước theo hướng xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Cải cách hành chính nhằm mục đích phục vụ, thúc đẩy sự phát triển ổn định và năng động của toàn xã hội, chủ yếu là triển khai thực hiện mục tiêu cơ bản là phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Cải cách hành chính trước hết là cải cách thể chế của nền hành chính, có mối liên hệ mật thiết phụ thuộc lẫn nhau với cải cách lập pháp và tư pháp.

Cải cách hành chính cũng chính là cải cách thể chế hoạt động của Nhà nước nói chung và trực tiếp là Chính phủ, một bộ phận cấu thành quan trọng của thể chế chính trị. Cải cách hành chính là một trong những bước đi góp phần làm đổi mới hệ thống chính trị nhưng vẫn phục tùng, phục vụ hệ thống chính trị và giữ vững ổn định chính trị.

Cải cách kinh tế là cải cách thể chế quản lý kinh tế của Chính phủ. Đây cũng là một trong những nội dung của cải cách hành chính. Cải cách hành chính là khâu mấu chốt, bảo đảm sự thành công của cải cách kinh tế, luôn gắn liền với những thành tựu trong cải cách kinh tế, đổi mới hệ thống chính trị, cải cách pháp luật và tư pháp.

### 6 lĩnh vực cải cách

Chương trình tổng thể cải cách hành chính của Chính phủ Việt Nam đã được thực hiện qua các thời kỳ, từ 2001 đến nay, với 06 lĩnh vực cải cách (cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách bộ máy hành chính; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa hành chính). Các yếu tố cấu thành cơ bản của nền hành chính quốc gia đều đòi hỏi phải cải cách, thay đổi, đồng thời cải cách hành chính được triển khai trên diện rộng, ở tất cả các lĩnh vực, các cấp hành chính.

Mỗi lĩnh vực lại bao gồm một loạt các lĩnh vực thành phần cho thấy tính phức tạp, độ rộng của cải cách hành chính ở Việt Nam. Tuy đi theo xu hướng cải cách toàn bộ nền hành chính, nhưng cải cách hành chính ở Việt Nam đã chia ra từng giai đoạn, gắn cải cách hành chính với cải cách kinh tế, cải cách đồng bộ nhưng có trọng tâm, có khâu đột phá. Khi bắt đầu thực hiện cải cách hành chính, Chính phủ đã chọn đúng khâu đột phá là cải cách thủ tục hành chính để giải quyết những vấn đề bức xúc nhất trong quan hệ giữa Nhà nước với công dân và từ tổng kết thực tiễn của cải cách thủ tục hành chính để đề xuất những nội dung cụ thể về rà soát chức năng, nhiệm vụ, chấn chỉnh bộ máy tổ chức hành chính từ Chính phủ đến chính quyền địa phương, tiếp đó ở giai đoạn sau này (từ năm 2011), Chính phủ đã xác định trọng

tâm quan trọng của cải cách hành chính là cải cách thể chế; xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chú trọng cải cách tiền lương nhằm tạo động lực thực sự để cán bộ, công chức, viên chức thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công.

### **Bảo đảm rõ định hướng, mục tiêu cải cách hành chính**

Từ thực tiễn cho thấy, sự chỉ đạo nhất quán của Chính phủ là một yếu tố bảo đảm cải cách hành chính đạt kết quả. Với vị trí là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, Chính phủ đóng vai trò quan trọng trong chỉ đạo triển khai cải cách hành chính của đất nước. Từ chủ trương của Đảng, Chính phủ có trách nhiệm cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính, trên cơ sở đó các Bộ, ngành trung ương và chính quyền địa phương các cấp xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của mình nhằm bảo đảm mục tiêu chung của cải cách là xây dựng được một nền hành chính mạnh, hiệu lực, hiệu quả, vì dân phục vụ.

Công tác chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đối với công cuộc cải cách hành chính có ý nghĩa trên các phương diện: bảo đảm rõ định hướng, mục tiêu cải cách hành chính; xác định rõ các nhiệm vụ cải cách; xác định các trọng tâm, ưu tiên cải cách theo từng thời kỳ; xác định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan hành chính, trước hết là Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong triển khai cải cách hành chính; tổng kết từ thực tiễn cải cách để hoạch định thể chế, cơ chế mới, có tính chất áp dụng chung trong cả nước.

### **Tác dụng to lớn của công tác cải cách hành chính**

Việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính theo lộ trình đề ra sẽ góp phần quan trọng vào cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút mạnh mẽ vốn đầu tư trong và ngoài nước, tạo đột phá về phân bổ và hiệu quả sử dụng các nguồn lực xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Cải cách hành chính giúp hệ thống các cơ quan hành chính từ Trung ương đến cơ sở được vận hành theo phương thức quản trị hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả sẽ góp phần quan trọng vào thực hiện thắng lợi các mục tiêu về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045.

Việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số vào hoạt động của hệ thống cơ quan hành chính nhà nước các cấp sẽ giúp nâng cao tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các tổ chức, cá nhân trong thực thi nhiệm vụ, công vụ, nhất là trong giải quyết công việc cho người dân, doanh nghiệp, góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp và giảm thiểu tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ. Ngoài ra, cải cách hành chính tạo điều kiện cho nước ta có thêm cơ hội hợp tác quốc tế, tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu, góp phần nâng tầm vị thế, uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

*Nguồn: ttxvn*

## CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH: KHÔNG CHỈ GIẢM VỀ SỐ LƯỢNG

Những gì chưa làm được, những gì người dân, doanh nghiệp góp ý, phải cầu thị lắng nghe, tiếp thu, sửa chữa, bổ sung, hoàn thiện. Công tác cải cách hành chính được thúc đẩy để góp phần chống tiêu cực, sách nhiễu, đặc biệt là tham nhũng vặt.

Đó là những vấn đề được Thủ tướng Chính phủ nêu tại phiên thứ nhất Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ. Và đây cũng là vấn đề được dư luận quan tâm.

Có thể nói rằng, tinh thần của bộ máy hành chính liêm chính và hành động đã được thể hiện rất rõ với nhiều hình thức sáng tạo, linh hoạt; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh. Như nhiều ý kiến người dân, doanh nghiệp nhận định, công tác cải cách hành chính của các cấp, các ngành ngày càng đạt kết quả tích cực, giúp “bớt phiền hà” hơn với nhiều thủ tục được rút gọn, được minh bạch hóa; hệ thống một cửa - một cửa liên thông, dịch vụ công trực tuyến được triển khai.

Thực tế cho thấy, đây không phải là việc quá tốn nhiều tiền bạc, chỉ cần sự quyết tâm và sự vào cuộc tích cực của cán bộ công chức, việc đơn giản hóa thủ tục hành chính để rút ngắn thời gian giải quyết hoàn toàn “trong tầm tay”. Trong thời gian vừa qua, việc tiếp tục tiến hành rà soát, sửa đổi, cắt giảm hàng loạt các quy định thủ tục đã giúp thay đổi tư duy của chính cán bộ, công chức thực thi. Đồng thời kiên quyết xóa lợi ích nhóm chi phối chính sách, nhìn thẳng vào thực trạng về “những giấy phép con”, “những cây đinh dưới tấm thảm đỏ” để đổi mới, tháo gỡ những điểm nghẽn...

Thống kê cho thấy, năm 2021, các Bộ, ngành đã ban hành gần 800 thông tư... cắt giảm, đơn giản hóa 1.101 quy định kinh doanh. Đây quả là con số không hề nhỏ, đã giúp tiết kiệm nhiều thời gian và tiền bạc cho người dân, doanh nghiệp và từ đó tạo ra những hiệu quả cao trong phát triển kinh tế - xã hội.

Nhưng thực tế, những việc tháo gỡ các rào cản về thể chế, cơ chế, chính sách tại một số nơi vẫn còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu. Tình trạng trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính vẫn còn tồn tại, một số lĩnh vực có tỷ lệ trễ hẹn cao... Ngay trong công tác phòng, chống dịch, cũng bộc lộ những hạn chế, thiếu thông thoáng về thủ tục hành chính, gây ách tắc, phiền hà cục bộ cho người dân...

Như người đứng đầu Chính phủ đã nhấn mạnh quan điểm, trong các khâu đột phá về cải cách hành chính, phải quan tâm nhất là các thủ tục hành chính đối với người dân, doanh nghiệp, để khơi dậy và huy động mọi nguồn lực để phát triển. Các Bộ, ngành phải chung tay, các thủ tục hành chính phải thực hiện nhanh, phải suy nghĩ để cải thiện cách làm việc. Không nên chỉ ngồi “nói cải cách mà không làm gì”, không phải là “nói xong để đó”. Trong tư duy, trong đầu mà không cải cách thì không thể cải cách được. Tinh thần bám rất sát thực tiễn, cái gì thực sự cần thì đưa vào quy định, quy trình, tiêu chuẩn, cái gì không cần thì dứt khoát bỏ.

Năm 2022, với chủ đề “Đoàn kết - Kỷ cương - Chủ động - Thích ứng - An toàn - Hiệu quả - Phục hồi - Phát triển”, công tác cải cách hành chính càng được quan tâm hơn, thực sự giảm phiền hà, sách nhiễu, làm cho bộ máy hành chính thực sự lấy việc phục vụ người dân, doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả điều hành làm thước đo.

Khi các ngành, địa phương đã xác định rõ “trung tâm phục vụ” và nỗ lực không ngừng cho mục tiêu ấy, nhiều thủ tục hành chính nữa sẽ tiếp tục được rà soát, cắt giảm, chắc chắn sẽ tạo nên thêm những bước chuyển lớn. Đồng thời, không chỉ dừng ở cắt giảm cơ học về số lượng đúng quy trình, đi kèm với đó là sự đồng hành, thấu hiểu để tháo gỡ khó khăn, cùng người dân, doanh nghiệp vượt qua những khó khăn hiện tại, cùng khơi thông nhiều nguồn lực, cải cách hành chính phải “đã nói là làm”. Chính điều này cũng là một yếu tố quan trọng quyết định sự thành công đối với các mục tiêu, định hướng phát triển chung.

*Nguồn: kinhtedothi.vn*

## HÀ NỘI: TẠO ĐIỀU KIỆN TỐT NHẤT CHO NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội vừa ban hành Công văn số 490/UBND-KSTTHC về thực hiện kết quả khảo sát thực trạng thực hiện thủ tục hành chính trong bối cảnh dịch COVID-19, nhằm tiếp tục thúc đẩy cải cách hành chính và đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Hiện, các sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã của thành phố đang quyết tâm tăng cường cải cách thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Chính phủ và thành phố.

Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội Bạch Liên Hương: Tiếp tục loại bỏ vướng mắc trong giải quyết thủ tục hành chính

Trong điều kiện dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, để nâng cao hiệu quả công tác giải quyết thủ tục hành chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội đã tổ chức đối thoại với tổ chức, cá nhân về thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính trong năm 2021. Đồng thời, phối hợp với các sở, ngành chức năng, địa phương đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nhiều hơn các thủ tục qua giao dịch điện tử, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí cho công dân. Hiện, trong số 120 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết, có một số thủ tục hành chính thường có nhiều công dân đến giao dịch, nhất là với những thủ tục liên quan đến việc hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động. Do vậy, để triển khai có hiệu quả các chủ trương, chính sách hỗ trợ, thời gian tới, Sở tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng rà soát, tổng hợp và tiếp tục loại bỏ những khó khăn, vướng mắc trong giải quyết thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp.

Giám đốc Sở Nội vụ Hà Nội Vũ Thu Hà: Đổi mới thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”.

Để tiếp tục đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân trong bối cảnh dịch COVID-19, Sở Nội vụ tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ



tục hành chính; rà soát cắt giảm, đơn giản hóa quy trình, quy định, đổi mới thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Sở cũng tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến gắn với các chỉ tiêu cải cách cụ thể. Phối hợp với đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu với Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội hình thức khen thưởng, kỷ luật phù hợp để tạo động lực, bảo đảm nghiêm túc, hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính.

Ông Phạm Tiền Phong, Giám đốc Công ty TNHH Tiền Phong (phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng): Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

Nhằm tiếp tục thúc đẩy cải cách hành chính và đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân theo yêu cầu tại Công văn số 490/UBND-KSTTHC của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội, tôi rất mong chính quyền và các cơ quan chức năng tập trung chỉ đạo đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nhất là quy rõ trách nhiệm người đứng đầu. Bên cạnh đó, cần tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu, hình thành các dữ liệu dùng chung, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm và trên cơ sở tái cấu trúc quy trình thủ tục, tạo thuận lợi cho người dùng.

Bà Nguyễn Thị Tính (phố Trần Vỹ, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy): Quan tâm đầu tư xứng đáng về cơ sở vật chất và con người.

Theo tôi, để tiếp tục đẩy mạnh cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến, cần có sự quan tâm đầu tư xứng đáng về cơ sở vật chất, nguồn lực con người... Có chế độ đãi ngộ hấp dẫn nhằm thu hút những người làm việc có trình độ chuyên môn, trách nhiệm cao. Mục tiêu cuối cùng của cải cách hành chính là nâng cao khả năng phục vụ nhân dân của cơ quan hành chính nhà nước. Song, cần đẩy mạnh tuyên truyền để mỗi người dân, doanh nghiệp... nâng cao hiểu biết, tăng cường sử dụng, giám sát và đóng góp ý kiến để công tác cải cách hành chính ngày càng hoàn thiện.

*Nguồn: hanoimoi.com.vn*

## CHÍNH PHỦ: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY ĐỊNH VỀ MUA BẢO HIỂM BẮT BUỘC TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Theo đó, Nghị định số 20/2022/NĐ-CP bổ sung quy định về mua bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba.

Cụ thể, về đối tượng phải mua bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng, Nghị định sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 4 như sau: Nhà thầu thi công xây dựng phải mua bảo hiểm bắt buộc cho người lao động thi công trên công trường và bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba.

Chi phí mua bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba tương tự như chi phí bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường và phù hợp với đối tượng phải mua bảo hiểm là nhà thầu thi công xây dựng công trình. Do vậy, Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm c Khoản 4 Điều 3 như sau: Đối với bảo hiểm bắt buộc cho người lao động thi công trên công trường, bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba: Phí bảo hiểm được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Đồng thời, Nghị định bổ sung quy định về thời hạn bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba là khoảng thời gian cụ thể, tính từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc thời gian xây dựng căn cứ vào hợp đồng xây dựng và được ghi trong hợp đồng bảo hiểm.

Nghị định cũng bổ sung điểm d Khoản 1 Điều 6 về phạm vi bảo hiểm, loại trừ trách nhiệm bảo hiểm. Theo đó, đối với bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba: Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện trách nhiệm bồi thường cho nhà thầu thi công xây dựng những khoản tiền mà theo quy định của pháp luật nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm bồi thường cho bên thứ ba đối với những thiệt hại ngoài hợp đồng về sức khỏe, tính mạng, tài sản phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng và chi phí pháp lý có liên quan (nếu có) thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Nghị định số 20/2022/NĐ-CP cũng bổ sung Khoản 4 Điều 10 về số tiền bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba tối thiểu như sau: a) Số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với thiệt hại về sức khỏe, tính mạng là 100 triệu đồng cho một người trong một vụ và không giới hạn số vụ tổn thất. b) Số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với thiệt hại về tài sản và chi phí pháp lý có liên quan (nếu có) được xác định như sau: Đối với công trình có giá trị dưới 1.000 tỷ đồng, số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với thiệt hại về tài sản và chi phí pháp lý có liên quan (nếu có) là 10% giá trị công trình cho cả thời hạn bảo hiểm và không giới hạn số vụ tổn thất. Đối với công trình có giá trị từ 1.000 tỷ đồng trở lên, số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với thiệt

hại về tài sản và chi phí pháp lý có liên quan (nếu có) là 100 tỷ đồng cho cả thời hạn bảo hiểm và không giới hạn số vụ tổn thất.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2022.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

## CHÍNH PHỦ: THÔNG QUA HỒ SƠ XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Ngày 07/3, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 27/NQ-CP của Chính phủ thông qua hồ sơ xây dựng Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Cụ thể, Chính phủ quyết nghị đồng ý quy định dữ liệu cá nhân được xử lý mà không cần sự đồng ý của chủ thể dữ liệu trong trường hợp sau: 1) Việc xử lý là cần thiết để ứng phó với tình huống khẩn cấp đe dọa đến tính mạng, sức khỏe hoặc sự an toàn của chủ thể dữ liệu hoặc cá nhân khác. Bên Kiểm soát dữ liệu, Bên Xử lý dữ liệu, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu, Bên thứ ba có trách nhiệm chứng minh trường hợp này. 2) Việc công khai dữ liệu cá nhân theo quy định của luật. 3) Việc xử lý là cần thiết vì yêu cầu quốc phòng, an ninh quốc gia, được thực hiện bởi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật khác. 4) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của luật. 5) Dữ liệu cá nhân được xử lý bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền với mục đích phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước theo quy định của luật.

Chính phủ quyết nghị thông qua nội dung dự thảo Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân, giao Bộ trưởng Bộ Công an thừa ủy quyền Chính phủ báo cáo, xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự thảo Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

## CÁC BỘ, NGÀNH BAN HÀNH MỘT SỐ CHÍNH SÁCH MỚI

\* Ngày 09/02, Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành Thông tư số 08/2022/TT-BTC quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu, chi trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư.

Theo Thông tư số 08/2022/TT-BTC, các khoản thu, chi trong lựa chọn nhà đầu tư phải đúng mục đích, đúng chế độ của Nhà nước và quy định của pháp luật. Việc tạm ứng, thanh

toán, quyết toán các khoản thu, chi trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư phải đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công, chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Thông tư số 08/2022/TT-BTC cũng nêu rõ, các khoản chi trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP gồm: a) Chi lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển; b) Chi đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển; c) Chi thẩm định kết quả sơ tuyển; d) Chi lập, thẩm định hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ mời thầu; đ) Chi đánh giá hồ sơ dự đàm phán, hồ sơ dự thầu; e) Chi thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư; g) Chi giải quyết kiến nghị của nhà đầu tư về kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

Định mức các khoản chi này thực hiện theo quy định tại Điều 32 và điểm e Khoản 2 Điều 73 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

Chi trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất, dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa gồm: a) Chi lập, thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; b) Chi đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; c) Chi thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư; d) Chi giải quyết kiến nghị của nhà đầu tư về kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

Định mức các khoản chi quy định tại Điều này thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

Các khoản thu trong lựa chọn nhà đầu tư gồm: Các khoản thu từ tiền bán hồ sơ mời thầu và các khoản thu khác (nếu có) sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế được bên mời thầu nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Các khoản thu do nhà đầu tư được lựa chọn chịu trách nhiệm hoàn trả các khoản chi phí quy định được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hợp đồng PPP, hợp đồng giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất, dự án phải thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo pháp luật chuyên ngành, pháp luật xã hội hóa được ký kết.

Ngoài ra, Thông tư số 08/2022/TT-BTC còn quy định về: Quản lý chi trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP; Quản lý chi trong lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất, dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa...

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ 25/3/2022.

**\* Ngày 21/02, Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành Thông tư số 11/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 265/2016/TT-BTC về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện.**

Theo Thông tư số 265/2016/TT-BTC, Khoản 2 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau: “2. Lệ phí cấp giấy phép được tính cho từng giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện. a) Lệ phí gia hạn, cấp lại giấy phép: mức thu bằng 20% mức lệ phí cấp giấy phép. b) Lệ phí sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép: mức thu bằng mức lệ phí cấp giấy phép. Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội



dung giấy phép không phải ấn định lại tần số hoặc phải ấn định lại tần số theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành: mức thu bằng 20% mức lệ phí cấp giấy phép”.

Thông tư số 11/2022/TT-BTC cũng sửa đổi về trường hợp miễn thu phí, lệ phí quy định tại Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau: “1. Người nộp lệ phí được miễn lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện trong các trường hợp sau: a) Đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá. b) Thiết bị đầu cuối vệ tinh phục vụ mục đích giám sát hành trình tàu cá.

2. Người nộp phí được miễn phí sử dụng tần số vô tuyến điện trong các trường hợp sau: a) Đài vô tuyến điện của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước ngoài, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế tại Việt Nam, đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài đến thăm Việt Nam thuộc diện ưu đãi, miễn trừ ngoại giao. b) Đài vô tuyến điện chỉ phục vụ trực tiếp an ninh, quốc phòng sử dụng tần số cho mục đích an ninh, quốc phòng theo quy định tại Điều 45 Luật Tần số vô tuyến điện. c) Đài vô tuyến điện phục vụ nhiệm vụ phòng chống thiên tai, lụt bão sử dụng các tần số cho mạng thông tin phòng chống thiên tai, lụt bão. d) Đài vô tuyến điện sử dụng tần số cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu nạn theo quy định. đ) Đài vô tuyến điện phục vụ trực tiếp việc tìm kiếm, cứu nạn thuộc Hệ thống tổ chức tìm kiếm, cứu nạn của các Bộ, ngành Trung ương và địa phương. e) Đài vô tuyến điện của các tổ chức từ thiện phục vụ hoạt động nhân đạo. g) Đài vô tuyến điện thuộc mạng điện báo hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước. h) Đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá; thiết bị đầu cuối vệ tinh phục vụ mục đích giám sát hành trình tàu cá; thiết bị vô tuyến điện hoạt động trên các băng tần quy hoạch cho phương tiện nghề cá đặt trên tàu. i) Đài truyền thanh không dây cấp xã. k) Máy phát thanh, phát hình phát sóng chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu, phát với công suất từ 100w trở xuống trên địa bàn các huyện nghèo, huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao theo quy định của Nhà nước. l) Máy phát dự phòng có cùng tần số phát, cùng vị trí ăng ten và công suất phát ERP nhỏ hơn hoặc bằng máy phát sóng chính đã được cấp phép”.

Về hoàn trả phí quy định tại Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau: “1. Tổ chức, cá nhân ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện trước thời hạn quy định tại giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện thì chỉ được hoàn trả phần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho thời gian còn lại của giấy phép, trong trường hợp sau: a) Thời gian còn lại của giấy phép từ 30 ngày trở lên đối với giấy phép sử dụng tần số ngừng do đấu giá tần số hoặc thay đổi của quy hoạch tần số. b) Thời gian còn lại của giấy phép từ 90 ngày trở lên đối với các trường hợp còn lại.

2. Thời gian còn lại của giấy phép được tính kể từ ngày tổ chức, cá nhân chính thức ngừng sử dụng nhưng không trước ngày Cục Tần số vô tuyến điện nhận được Thông báo ngừng”...

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/5/2022.

**\* Ngày 28/02, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ký ban hành Quyết định số 94/QĐ-BXD công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ.**

Theo đó, thay thế 02 thủ tục hành chính tại Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, gồm: Thủ tục Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự

án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư (theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014) và Thủ tục Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư (theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014).

Quyết định cũng bãi bỏ 02 thủ tục hành chính tại Quyết định số 832/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

2 thủ tục hành chính bãi bỏ gồm: Thủ tục Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư và Thủ tục Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng trước đó cũng ký Quyết định số 835/QĐ-BXD về việc ban hành 07 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi giải quyết của Bộ Xây dựng.

Thứ nhất, thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh; Thứ hai, thủ tục thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh; Thứ ba, thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; Thứ tư, thủ tục công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; Thứ năm, thủ tục cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng; Thứ sáu, thủ tục công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng; Thứ bảy, thủ tục cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm A, dự án trên địa bàn hai tỉnh trở lên.

*Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

### \* Ban Tuyên giáo Trung ương:

Ông Nguyễn Quế Lâm, Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường được bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng Vụ Thông tin đối ngoại và Hợp tác quốc tế, Ban Tuyên giáo Trung ương, kể từ ngày 10/3/2022.

### \* Bộ Tài chính:

Ông Nguyễn Minh Tiến, Phó Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính được bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Bộ Tài chính.

### \* Bộ Công Thương:

Ông Nguyễn Văn Minh - Đại tá, Trưởng phòng Báo Quân đội nhân dân điện tử được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Biên tập Báo Công Thương, Bộ Công Thương.

### \* Bộ Khoa học và Công nghệ:

Ông Nguyễn Quyết Chiến, Chuyên viên chính Vụ Kế hoạch - Tài chính được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ.

Bà Chu Thị Thủy Chung, Trưởng phòng Phòng Tài sản Hành chính sự nghiệp thuộc Cục Quản lý công sản, Bộ Tài chính được tiếp nhận và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ.

### \* Bộ Ngoại giao:

Ông Vũ Hồ, Vụ trưởng Vụ ASEAN, Phó Trưởng SOM ASEAN được cử làm Quyền Trưởng SOM ASEAN.

### \* Bộ Y tế:

Bà Vũ Thị Kim Anh được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Bộ Y tế.

Ông Nguyễn Trí Dũng được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm Y tế, Bộ Y tế.

Ông Lê Thanh Dũng được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung Thuốc quốc gia, Bộ Y tế.

### \* Thành phố Cần Thơ:

Ông Dương Tấn Hiển, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ thôi kiêm giữ nhiệm vụ Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Ông Trần Thanh Bình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Thủy được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Ông Nguyễn Khánh Tùng, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Viện trưởng Viện Kinh tế - Xã hội TP. Cần Thơ.

Bà Nguyễn Thị Hoài Tâm, Trưởng phòng Phòng Khoa giáo - Văn xã, Văn phòng Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ.

**\* Tỉnh Hà Tĩnh:**

Ông Phạm Đăng Nhật, Tỉnh ủy viên thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, thôi giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Cẩm Xuyên nhiệm kỳ 2020 - 2025 được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Nội chính Tỉnh ủy.

Ông Nguyễn Văn Thành, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Hà Tĩnh được luân chuyển đến nhận công tác tại Huyện ủy Cẩm Xuyên, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Cẩm Xuyên nhiệm kỳ 2020 - 2025.

**\* Tỉnh Bình Phước:**

Ông Đặng Hà Giang, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Thư ký Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy.

**\* Tỉnh Long An:**

Ông Nguyễn Quang Thái, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Tân An được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, kể từ ngày 11/3/2022.

Ông Nguyễn Thanh Tiệp, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo được điều động đến Ban Tổ chức Tỉnh ủy bố trí công tác, kể từ ngày 11/3/2022.

Ông Nguyễn Minh Hùng, Giám đốc Sở Xây dựng được điều động đến Ủy ban nhân dân TP. Tân An bố trí công tác, kể từ ngày 11/3/2022.

Ông Nguyễn Văn Hùng, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh được tiếp nhận vào làm công chức và điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Xây dựng, kể từ ngày 11/3/2022.

Ông Trần Bá Phước, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh được phân công phụ trách điều hành Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, kể từ ngày 11/3/2022.

*Nguồn: baochinhphu.vn*